



EVN NPC
PC HAI PHONG

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
ĐỘI QUẢN LÝ ĐIỆN LỰC KHU VỰC LÊ CHÂN

Địa chỉ văn phòng: Số 10/119 – đường Trại Lê – Phường Lê Chân – TP. Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3611579

Fax: 0225.3611877

PHƯƠNG ÁN
KỸ THUẬT THI CÔNG

CÔNG TRÌNH : SỬA CHỮA LƯỚI ĐIỆN HẠ THÉ 43 TRẠM BIÊN ÁP
THUỘC ĐỊA BÀN ĐỘI QLĐLKV LÊ CHÂN

ĐƠN VỊ QLVH: ĐỘI QLĐL KV LÊ CHÂN

ĐỊA ĐIỂM: ĐỊA PHƯỜNG AN BIÊN; LÊ CHÂN – TP.HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG – NĂM 2025

CÔNG TY ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
ĐỘI QUẢN LÝ ĐIỆN LỰC KHU VỰC LÊ CHÂN

PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THI CÔNG

Công trình: Sửa chữa lưới điện hạ thế 43 trạm biến áp thuộc địa bàn Đội QLĐLKV Lê Chân

Người lập:

Đoàn Văn Hưng.

Tổ trưởng KHKT:

Nguyễn Văn Thành.

Lê Chân, ngày 15. tháng 9. năm 2025
ĐỘI TRƯỞNG



Nguyễn Tuấn Thành

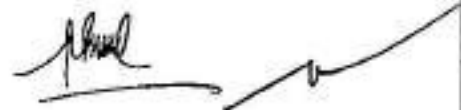
**GIỚI THIỆU NỘI DUNG
VÀ BIÊN CHẾ HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THI CÔNG**

Hồ sơ phương án kỹ thuật công trình: Sửa chữa lưới điện hạ thế 43 trạm biến áp thuộc Đội QLĐL KV Lê Chân

Phần 1: Thuyết minh phương án kỹ thuật

Phần 2: Khái toán

Phần 3: Bản vẽ công trình



PHẦN I: THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ PHÁP LÝ	5
CHƯƠNG 2: MỤC ĐÍCH SỬA CHỮA	6
CHƯƠNG 3: TÌNH TRẠNG VẬN HÀNH.....	7
3.1. Lý lịch tài sản.....	7
3.2. Hiện trạng lưới điện.....	9
CHƯƠNG 4: PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA (DỰ KIẾN).....	38
CHƯƠNG 5: TỔNG HỢP VẬT TƯ KHỎI LƯỢNG	65
CHƯƠNG 6: ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU SCL.....	69
CHƯƠNG 7: TIÊU CHUẨN VẬT TƯ, THIẾT BỊ	72
- THÔNG SỐ KỸ THUẬT.....	72
7.1. Điều kiện làm việc.....	72
7.2. Cấp nhôm vận xoắn hạ thế (0,6/1kV-Al/XLPE):	72
7.3. Cột điện:.....	74
7.3.1 Cột bê tông ly tâm hạ thế.....	74
7.3.2 Cột thép hạ thế 6 mét:.....	75
7.4. Phụ kiện đường dây	75
7.4.1. Ghép bọc hạ thế cho cáp vận xoắn.....	75
7.4.2. Kẹp xiết cho cáp vận xoắn.....	77
7.4.3. Kẹp treo cho cáp vận xoắn	78
CHƯƠNG 8: PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG + BIỆN PHÁP AN TOÀN 80	
8.1. Chuẩn bị mặt bằng, công trường	80
8.1.1. Mặt bằng vị trí cột, tổ chức công trường.....	80
8.1.2. Công tác thu dọn mặt bằng phục vụ thi công	80
8.1.3. Công tác vận chuyển.....	80
8.2. Các phương án xây lắp chính	80
8.2.1. Biện pháp chung	80
8.2.2. Đào móng, lắp dựng cột điện hạ thế:.....	80
8.2.3. Kéo dây :.....	81
8.2.4. Lắp đặt phụ kiện và kéo rải căng dây	81
8.2.5. Công tác tháo dỡ thu hồi vận chuyển:	82
8.3. Tiến độ thi công.....	82
8.4. Biện pháp an toàn trong thi công.....	82
PHẦN 2: KHAI TOÁN.....	83
2.1. Chi phí SCL công trình:.....	83



2.2. Dự kiến thời gian thực hiện: 83

A handwritten signature in black ink, consisting of a stylized name followed by a horizontal line and a flourish.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ PHÁP LÝ

Phương án kỹ thuật công trình: Sửa chữa lưới điện hạ thế 43 trạm biến áp thuộc Đội QLĐL KV Lê Chân QLVH, được lập dựa trên các cơ sở sau:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 10/2021/NĐ ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Quy trình, quy phạm trang bị điện 2006.

- Quyết định số 04/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2024 của HĐTV Tổng công ty Điện lực miền Bắc về việc ban hành Quy định thực hiện bảo dưỡng sửa chữa tài sản cố định và khắc phục thiệt hại do thiên tai, sự cố trong EVNNPC;

- Quyết định số 1371/QĐ-PCHP ngày 19/8/2025 của Công ty Điện lực Hải Phòng về việc giao nhiệm vụ lập, thẩm định PAKT và dự toán các hạng mục sửa chữa lớn năm 2026;

Các thông tư, văn bản có giá trị hiện hành khác;

Căn cứ kết quả khảo sát hiện trạng 43 TBA, cụ thể như sau: Đất Đỏ; Đoàn Thị Điểm; Mê Linh 2; Trương Hán Siêu; Thuận Thái; Trần Nguyên Hãn; An Dương dân dụng 2; Cống Luồn; Xi Măng 4B; Xi Măng 4A; Cầu Đất 4; Cầu Đất 6; Cơ Khí 1-5; Vĩnh Niệm 5; Võ Nguyên Giáp 1; Niệm Nghĩa 1B; Niệm Nghĩa 10; Đồng Bún 2; Vĩnh Niệm 7; Bưu Điện dân dụng 1; Bưu Điện Hải Phòng; Chợ Con 1; Chợ Con 3; Chợ Con 4; Kiến Thiết dân dụng 1; Ngô Quyền 630kVA; Tô Hiệu 3; Hồ Sen 3; Hồ Sen 6; Chùa Chiêu 1; Võ Nguyên Giáp 3; Tập thể Ngân Hàng; Thống Nhất 2; Thống Nhất 3; Thống Nhất 1; Chợ Hàng 1; Chợ Hàng 2; Đồng Tâm 2; Đình Đông 1B; Đình Đông 2; Đình Đông 1A (MI); Tăng Thiết Giáp; Trại Lê, thuộc Đội QLĐL KV Lê Chân quản lý.



CHƯƠNG 2: MỤC ĐÍCH SỬA CHỮA

- Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.
- Đảm bảo an toàn trong công tác vận hành và quản lý lưới điện.
- Giảm tổn thất điện năng.
- Đảm bảo doanh thu bán điện thương phẩm, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty Điện lực Hải Phòng.



CHƯƠNG 3: TÌNH TRẠNG VẬN HÀNH

3.1. Lý lịch tài sản.

ST T	Tên TSCĐ đang vận hành	Tên TSCĐ trên sổ sách kế toán	Mã số TSCĐ trên sổ sách kế toán	Năm đưa vào vận hành	Năm SCL gần nhất	Ghi chú
1	Đất Đò	Dây AC Trạm Đất đò	1.37010100.0000608	2005	2019	
2	Đoàn Thị Điểm	Thiết bị trạm Đoàn Thị Điểm	1.21160100.0000211	2005	2019	
3	Mê Linh 2	Thiết bị trạm Mê linh 2	1.21160100.0000041	2005	2019	
4	Trương Hán Siêu	Thiết bị trạm Trương Hán Siêu	1.21160100.0000071	2005	2019	
5	Thuận Thái	Thiết bị trạm Thuận thái	1.21160100.0000067	2005	2019	
6	Trần Nguyên Hãn	Thiết bị trạm Đoàn Thị Điểm	1.21160100.0000211	2005	2019	san tài từ TBA Đoàn Thị Điểm
7	An Dương dân dụng 2	An Dương Dân Dụng 2	1.21310330.0000275	2005	2019	
8	Cống Luồn	An Dương Dân Dụng 2	1.21310336.0000543	2005	2019	san tài từ TBA An Dương dân dụng 2
9	Xi Măng 4B	Xi măng 4B	1.21160100.0000078	2005	2019	
10	Xi Măng 4A	Xi măng 4A	1.21160100.0000077	2005	2019	
11	Cầu Đất 4	Dây AC 95 Trạm Cầu đất 4	1.37010100.0000630	2005	2019	
12	Cầu Đất 6	Cầu đất 6	1.21160100.0000064	2005	2019	
13	Cơ Khí 1-5	Cơ Khí 1-5	1.21160100.0001314	2005	Trước	
14	Vĩnh Niệm 5	Vĩnh niệm 5	1.21160100.0000053	2005	2019	
15	Võ Nguyên Giáp 1	Vĩnh niệm 5	1.21160100.0000053	2005	2019	san tài từ TBA Vĩnh Niệm 5
16	Niệm Nghĩa 1B	Thiết bị trạm Niệm nghĩa 1B	1.21160100.0000204	2005	2019	



17	Niệm Nghĩa 10	Thiết bị trạm Niệm nghĩa 1B	1.21160100.0000204	2005	2019	san tải từ TBA Niệm Nghĩa 1B
18	Đồng Bún 2	Trạm Đồng Bún 2	1.21310340.0000538	2005	Trước 2019	
19	Vĩnh Niệm 7	Đường dây HT Vĩnh Niệm 7	1.37010100.0000930	2005	2019	
20	Bưu Điện dân dụng 1	Bưu Điện DD	1.21160100.0000188	2005	2019	
21	Bưu Điện Hải Phòng	Bưu Điện HP	1.21310326.0000345	2005	2018	
22	Chợ Con 1	Thiết bị trạm Chợ con 1	1.21160100.0000183	2005	2019	
23	Chợ Con 3	Thiết bị trạm Chợ con 3	1.21160100.0000185	2005	2019	
24	Chợ Con 4	Thiết bị trạm Chợ con 4	1.21160100.0000186	2005	2019	
25	Kiến Thiết dân dụng 1	Dây AC 95 Trạm Kiến thiết dân	1.37010100.0000635	2005	2019	
26	Ngô Quyền 630kVA	Thiết bị trạm Ngô Quyền	1.21160100.0000247	2005	2019	
27	Tô Hiệu 3	Dây AC 95 Trạm Tô hiệu 3	1.37010100.0000640	2005	2018	
28	Hồ Sen 3	Thiết bị trạm Hồ Sen 3	1.21160100.0000249	2005	2019	
29	Hồ Sen 6	Thiết bị trạm Hồ Sen 6	1.21160100.0000249	2005	2019	San tải từ TBA Hồ Sen 3
30	Chùa Chiêu 1	Thiết bị trạm Chùa Chiêu 1	1.21160100.0000248	2005	2019	
31	Võ Nguyên Giáp 3	Dây Ac 35 Trạm Thống nhất	1.37010100.0000583	2003	2019	San tải từ Thống Nhất 2
32	Tập thể Ngân Hàng	Thiết bị trạm TT Ngân hàng	1.21160100.0000129	2005	2019	
33	Thống Nhất 2	ĐZ0,4kV trạm Thống nhất 2	1.37010100.0000677	2005	2019	
34	Thống Nhất 3	Thiết bị trạm Thống Nhất 3	1.21160100.0000051	2005	2019	



35	Thống Nhất 1	Dây Ac 35 Trạm Thống nhất	1.37010100.0000583	2003	2019	
36	Chợ Hàng 1	Trạm Chợ Hàng 1	1.21310336.0000287	2015	2019	
37	Chợ Hàng 2	Trạm Chợ hàng 2	1.21300144.0000795	2015	2019	
38	Đồng Tâm 2	TB trạm Đồng Tâm 2	1.21160100.0000025	2004	2019	
39	Đình Đông 1B	Thiết bị trạm Đình Đông	1.21160100.0000123	2005	2019	
40	Đình Đông 2	Thiết bị trạm Đình Đông	1.21160100.0000122	2005	2019	
41	Đình Đông 1A (M1)	Trạm Đình Đông 1A	1.21310354.0000505	2005	2019	
42	Tăng Thiết Giáp	Thiết bị trạm TT Đoàn 4	1.21160100.0000038	2005	2017	
43	Trại Lê	Thiết bị trạm Trại Lê	1.21160100.0000218	2005	2019	

* Ghi chú: Các TBA Đoàn Thị Điểm; Trần Nguyễn Hân (san tải từ TBA Đoàn Thị Điểm; An Dương dân dụng 2; Cống Luồn; Xi Măng 4B; Cầu Đất 4; Cầu Đất 6; Võ Nguyên Giáp 1; Niệm Nghĩa 10 (san tải từ TBA Niệm Nghĩa 1B); Vĩnh Niệm 7; Bưu Điện dân dụng 1; Chợ Con 4; Kiến Thiết dân dụng 1; Ngõ Quyền máy 630kVA; Tô Hiệu 3; Chùa Chiếu 1; Chợ Hàng 1; được sửa chữa lớn gần nhất năm 2019, Tuy nhiên, tại thời điểm sửa chữa có các cột điện hạ thế và cáp vận xoắn còn tốt, chưa được thay thế, đến nay cột điện vỡ bê tông, trơ cốt sắt, một số cột sắt đã mọc; cáp vận xoắn mỗi nối, rạn nứt nguy cơ mất an toàn trong mùa mưa bão sắp tới và lâu dài.

3.2. Hiện trạng lưới điện.

+ Lưới điện hạ thế đã vận hành lâu năm, cáp đường trục chủ yếu tiết diện Al/XLPE-4x120, Al/XLPE-4x95, Al/XLPE-4x70; Al/XLPE-4x5 một số đoạn cáp nhiều mối nối, rạn nứt không đảm bảo vận hành lâu dài, nguy cơ gây sự cố cao (có hình ảnh kèm theo).

+ Các vị trí cột điện thay thế đều đã vận hành lâu năm, vỡ bê tông, trơ cốt sắt, một số cột sắt đã mọc, nguy cơ mất an toàn trong mùa mưa bão sắp tới và lâu dài (có hình ảnh kèm theo).

+ Cụ thể như sau:

1. Lưới điện TBA: Đất Đỏ:

- Phần cột: 05 vị trí, 05 cột;

+ Cột (1.3.4).2; hiện trạng là cột BTLT 8m, cột nghiêng, cong, không đảm bảo vận hành.

+ Cột (2.5.6).2, hiện trạng là cột H 8m, mục bê tông, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 1.7/1.2; 1.7/1.3,, hiện trạng là cột BTLT 7m, cột nghiêng, cong, không đảm bảo vận hành.

+ Cột (2.5.6).2, hiện trạng là cột H 7m, mục bê tông, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 1.7/1.1 hiện trạng là cột sắt tròn, đã han rỉ, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ HT đến cột 1.10 (nhánh 1), L= 290m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 3.4 đến cột 3.4/1.3 (nhánh 2), L= 166m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 1.7/1.1 (nhánh 3), L= 67m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 4.8 (nhánh 4), L= 171m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.7 đến cột 4.7/1.2, L= 71m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (2.6).4, L= 106m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

- Tiếp địa lặp lại 07 vị trí tại cột (2.6).4; 1.7/1.1; 3.4/1.3; 4.8; 4.7/1.1; (1.4).6; 1.10, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân cải tạo nâng cấp đường ngõ, đổ bê tông nâng cao độ các ngõ ngách lên 30 cm đến 40 cm, không còn đầu cọc.

2. Lưới điện TBA: Đoàn Thị Điểm:

- Phần cột: 10 vị trí, 10 cột:

+ Cột (2.6).3; (2.6).4, hiện trạng là cột BTLT 8m, cột nghiêng, cong, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 3.3; 4.2; 4.4, hiện trạng là cột H 8m, mục bê tông, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 2.4, (2.6).1, hiện trạng là cột H 7m, mục bê tông, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột (1.5).1; (1.5).2; 6.7, hiện trạng là cột CV 7m, mục bê tông, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ HT đến cột (1.5).3 (nhánh 1), L= 63m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (2.6).4 (nhánh 2), L= 118m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.6).2 đến cột 2.5 (nhánh 2), L= 76m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 3.3 (nhánh 3), L= 57m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 4.4 (nhánh 4), L= 82m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.2 đến cột 4.2/1.1 (nhánh 4), L= 50m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ từ HT đến cột (1.5).1 (nhánh 5), L= 63m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ từ HT đến cột 6.7 (nhánh 5), L= 188m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

- Tiếp địa lặp lại 06 vị trí tại cột (1.5).3; (2.6).4; 2.5; 3.3; 4.2/1.1; 6.7, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân cải tạo nâng cấp đường ngõ, đổ bê tông nâng cao độ các ngõ ngách lên 30 cm đến 40 cm, không còn đầu cọc.

3. Lưới điện TBA: Mê Linh 2;

- Phần dây:

+ Từ từ HT đến cột 1.4 (nhánh 1), L= 118m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ từ HT đến cột (1.2).1 (nhánh 2), L= 12m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 01 vị trí tại cột 1.3, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân cải tạo nâng cấp đường ngõ, đổ bê tông nâng cao độ các ngõ ngách lên 30 cm đến 40 cm, không còn đầu cọc.

4. Lưới điện TBA: Trương Hán Siêu;

- Phần dây:

+ Từ từ HT đến cột 1.1/1.1 (nhánh 1), L= 102m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ từ HT đến cột 2.5 (nhánh 2), L= 139m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

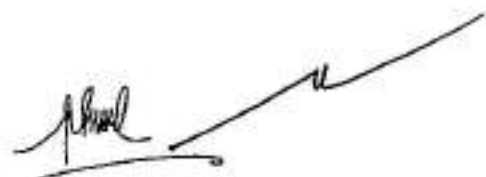
- Tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 1.2; 1.1/1.1; 2.5, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

5. Lưới điện TBA: Thuận Thái.

- Phần dây:

+ Từ từ HT đến cột 1.4 (nhánh 1), L= 90m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ từ HT đến cột 2.1/1.2 (nhánh 2), L= 84m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.



+ Từ tủ HT đến cột 3.2 (nhánh 3), L= 26m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

- Tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 1.4; 2.2; 3.2, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

6. Lưới điện TBA Trần Nguyên Hãn (san tải từ Đoàn Thị Điểm).

- Phần cột: 03 vị trí, 03 cột:

+ Cột (1.2).2; 1.3; 1.6, hiện trạng là cột BTLT 8m, cột nghiêng, cong, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ cột (1.2).2 đến cột 1.5/1.1 (nhánh 1), L= 158m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).2 đến cột 3.5 (nhánh 2), L= 188m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 3.2 đến cột 3.3 (nhánh 3), L= 65m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

- Tiếp địa lặp lại 04 vị trí tại cột 3.5 ; 1.6/1.1; 2.5/1.1; 1.5/1.1, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

7. Lưới điện TBA: An Dương dân dụng 2.

- Phần cột: 05 vị trí, 05 cột:

+ Cột 3.3; 3.4; 3.5, hiện trạng là cột BTLT 8m, cột nghiêng, cong, không đảm bảo vận hành.

+ Cột (1.2).3; 1.6, hiện trạng là cột BTLT 7m, cột nghiêng, cong, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ HT đến cột 1.9 (nhánh 1), L= 238m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 3.6 (nhánh 3), L= 236m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 4.13 (nhánh 4), L= 496m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.5 đến cột 4.5/1.2 (nhánh 4), L= 62m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:



- Tiếp địa lặp lại 05 vị trí tại cột 1.9; 4.6; 4.13; 3.6; 4.5/1.2, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

8. Lưới điện TBA: Cống Luồn:

- **Phần cột: 01 vị trí, 01 cột:**

+ Cột 1.3, hiện trạng là cột BTLT 8m, nút chân, nghiêng, không đảm bảo an toàn cho người tham gia giao thông.

- **Phần dây:**

+ Từ tủ HT đến cột 1.11 (nhánh 1), L= 323m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 1.4 đến cột 1.4/1.1 (nhánh 1), L= 35m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- **Phần tiếp địa:**

- Tiếp địa lặp lại 02 vị trí tại cột 1.11; 1.4/1.1, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

9. Lưới điện TBA: Xi Măng 4B:

- **Phần cột: 01 vị trí, 01 cột:**

+ Cột 2.3, hiện trạng là cột BTLT 7m, cột nghiêng, cong, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 2.5, hiện trạng là cột sắt, sử dụng nhiều năm đã han rỉ, không đảm bảo vận hành.

- **Phần dây:**

+ Từ tủ HT đến cột 1.1/1.1 (nhánh 1), L= 30m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 2.2/1.2 (nhánh 2), L= 129m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 2.2 đến cột 2.2/1.1 (nhánh 2), L= 37m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- **Phần tiếp địa:**

- Tiếp địa lặp lại 02 vị trí tại cột 1.1/1.1; 2.6, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

10. Lưới điện TBA: Xi Măng 4A:

- **Phần cột: 02 vị trí, 03 cột:**

+ Cột 2.6, hiện trạng là cột 2CV7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 3.1/1.1, hiện trạng là cột H 8m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

- **Phần dây:**

+ Từ tủ HT đến cột 1.1/1.1 (nhánh 1), L= 30m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 1.1 (nhánh 1), $L= 30m$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 1.5 (nhánh 1), $L= 72m$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 2.9 (nhánh 2), $L= 208m$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 2.5 đến cột 2.5/1.1 (nhánh 2), $L= 42m$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 3.5 (nhánh 3), $L= 146m$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.3).1 đến cột 3.1/1.2 (nhánh 3), $L= 46m$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

- Tiếp địa lặp lại 04 vị trí tại cột 3.1/1.2; 1.5; 2.9; 3.5, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

11. Lưới điện TBA: Cầu Đất 4:

- Phần cột: 02 vị trí, 02 cột:

+ Cột 1.2, hiện trạng là cột CV7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 3.3, hiện trạng là cột sắt, sử dụng nhiều năm đã han rỉ, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ cột (1.2.3.4.5.6).1 đến cột 1.2 (nhánh 1), $L= 40m$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3.4.5.6).1 đến cột 3.3 (nhánh 3), $L= 57m$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (4.6).4 đến cột 4.4/1.1 (nhánh 4), $L= 29m$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.5).6 đến cột 5.10 (nhánh 5), $L= 110m$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 5.8 đến cột 5.8/1.1 (nhánh 5), $L= 20m$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

- Tiếp địa lặp lại 04 vị trí tại cột 1.2; 4.4/1.1; 5.10; 5.8/1.1, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.



12. Lưới điện TBA: Cầu Đất 6:

- Phần cột: 01 vị trí, 02 cột:

+ Cột 2.1, hiện trạng là cột 2H 8m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ HT đến cột 2.3/1.2 (nhánh 2), L= 173m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

- Tiếp địa lặp lại 02 vị trí tại cột 2.4; 2.3/1.2, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

13. Lưới điện TBA: Cơ Khí 1-5:

- TBA được sửa chữa lớn năm 2016. Tuy nhiên, tại thời điểm đó các vị trí tủ chưa được thay thế và theo Tờ trình số 1827/PCHP-KHVT ngày 06/6/2025 của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng về việc sửa chữa các tủ điện bị hư hỏng.

- Phần tủ thanh cái: 04 Tủ:

+ Tủ phân phối hạ thế lắp công tơ số 2.1, lắp đặt 01 MCCB tổng 3 pha (200A) và 03 công tơ 3 pha.

+ Tủ phân phối hạ thế lắp công tơ số 2.2, lắp đặt 01 MCCB tổng 3 pha (100A) và 01 công tơ 3 pha; 04 công tơ 1 pha.

+ Tủ phân phối hạ thế lắp công tơ số 2.3, lắp đặt 01 MCCB tổng 3 pha (100A) và 02 công tơ 3 pha; 04 công tơ 1 pha.

+ Tủ phân phối hạ thế lắp công tơ số 2.4, lắp đặt 01 MCCB tổng 3 pha (100A) 09 công tơ 1 pha

Hiện trạng là tủ Tủ phân phối hạ thế lắp công tơ được đúc bằng bê tông, cánh bằng Inox, được đưa vào sử dụng năm 2014, tủ xuống cấp cách, không đảm bảo vận hành.

14. Lưới điện TBA: Vĩnh Niệm 5:

- Phần cột: 05 vị trí, 09 cột:

+ Cột (1.2.3.5).2; (1.2.3.5).4; (1.2.3.5).6, hiện trạng là cột 2BTLT 10m, cột nghiêng, cong, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 3.12, hiện trạng là cột 2BTLT 8m, cột nghiêng, cong, không đảm bảo vận hành.

+ Cột (4.5).1, hiện trạng là cột BTLT 8m, cột nghiêng, cong, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ HT đến cột (1.2.3.5).6 (nhánh 1), L= 198m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3.5).4 đến cột 1.4/2.2 (nhánh 1), L= 156m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3.5).4 đến cột 1.4/1.2 (nhánh 2), L= 55m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Tủ HT đến cột 3.12 (nhánh 3), L= 336m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.



+ Từ cột 3.10 đến cột 3.10/1.1 (nhánh 3), L= 50m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 4.6 (nhánh 4), L= 177m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.4 đến cột 4.4/1.1 (nhánh 4), L= 71m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.2 đến cột 4.2/1.1 (nhánh 4), L= 38m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (1.2.3.5).6 (nhánh 5), L= 202m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

- Tiếp địa lặp lại 04 vị trí tại cột Cột (4.5).1; (1.2.3.5).6; 3.12; 5.9, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

15. Lưới điện TBA: Võ Nguyên Giáp 1:

- Phần cột: 03 vị trí, 04 cột:

+ Cột 3.2/1.1, hiện trạng là cột 2BTLT 10m, cột nghiêng, cong, nứt gãy, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 3.5; 3.6, hiện trạng là cột BTLT 8m, cột nghiêng, cong, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Tủ HT đến cột (1.2.3).1 (nhánh 1), L= 147m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).2 đến cột 1.2/1.1 (nhánh 1), L= 32m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Tủ HT đến cột (1.2).2 (nhánh 2), L= 62m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

- Tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 3.5; (1.2).3; 1.4, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc

16. Lưới điện TBA: Niệm Nghĩa 1B:

- Phần cột: 09 vị trí, 10 cột:

+ Cột 1.7, hiện trạng là cột BTLT 10m, cột nghiêng, cong, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 1.2/1.1; 1.4/1.2; 1.4/1.3; 1.4/1.4; 1.4/2.1; 4.6/1.2; 4.6/1.3; 5.2/1.3, hiện trạng là cột CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 4.6/1.3, hiện trạng là cột 2CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ HT đến cột 1.4 đến cột 1.7 (nhánh 1), L= 155m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 1.4 đến cột 1.4/2.1 (nhánh 1), L= 56m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 1.4 đến cột 1.4/2.1 (nhánh 1), L= 18m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 2.4 (nhánh 2), L= 18m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 2.2 đến cột 2.2/1.1 (nhánh 2), L= 116m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ cột 2.2 đến cột 2.2/1.1 (nhánh 2), L= 20m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 4.9 (nhánh 4), L= 208m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.6 đến cột 4.6/1.3 (nhánh 4), L= 82m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.6/1.2 đến cột 4.6/1.2/1.1 (nhánh 4), L= 28m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.8 đến cột 4.8/1.1 (nhánh 4), L= 20m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (4.5).4 (nhánh 5), L= 97m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ từ cột 5.5 đến cột 5.2/1.3 (nhánh 5), L= 92m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 5.2/1.1 đến cột 5.2/1.1/1.1 (nhánh 5), L= 36m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

- Tiếp địa lặp lại 07 vị trí tại cột 1.2/1.1; 1.4/1.4; 1.4/2.1; 1.7; 5.2/1.1; (2.4.5).1; 4.9, hiện không vận hành do đã rí một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

17. Lưới điện TBA: Niệm Nghĩa 10 (san tải từ TBA Niệm Nghĩa 1B):

- Phần cột: 01 vị trí, 01 cột:



+ Cột 2.5, hiện trạng là cột CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ cột (1.2).1 đến cột 1.3 (nhánh 1), L= 60m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).1 đến cột 2.4 (nhánh 2), L= 81m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 2.4 đến cột 2.5 (nhánh 2), L= 23m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 2.3 đến cột 2.3/1.1 (nhánh 2), L= 40m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

- Tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 2.5; 2.3; (1.2).1, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

18. Lưới điện TBA: Đồng Bùn 2:

- Phần dây:

+ Từ hạ thế đến cột 1.14 (nhánh 1), L= 402m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ hạ thế đến cột (1.2.3).6 (nhánh 2), L= 151m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3).3 đến cột 2.3/1.1 (nhánh 2), L= 35m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3).3 đến cột 2.4/1.4 (nhánh 2), L= 93m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ hạ thế đến cột (1.3).8 (nhánh 3), L= 204m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ hạ thế đến cột 4.2 (nhánh 4), L= 57m (nhánh 4), hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

19. Lưới điện TBA: Vĩnh Niệm 7:

- Phần dây:

+ Từ hạ thế đến cột 1.9 (nhánh 1), L= 287m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).4 đến cột 2.4/1.1 (nhánh 2), L= 45m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 3.1 đến cột 3.2/1.3 (nhánh 3), L= 223m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

20. Bưu Điện dân dụng 1:

- Phần cột: 03 vị trí, 03 cột:

+ Cột 4.3/1.1; 5.5; 5.6, hiện trạng là cột CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ cột (4.5).1 đến cột 4.3/1.1 (nhánh 4), L= 75m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (4.5).1 đến cột 5.6 (nhánh 5), L= 120m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 5.3 đến cột 5.3/1.1 (nhánh 5), L= 20m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

- Tiếp địa lặp lại 02 vị trí tại cột 5.5; 5.6, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

21. Lưới điện TBA: Bưu Điện Hải Phòng:

- Phần cột: 05 vị trí, 05 cột:

+ Cột 2.7/1.1; 2.7/1.2; 2.10, 1.2/1.2, hiện trạng là cột CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 1.2/1.3, hiện trạng là cột 2CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ hạ thế đến cột (1.2.3).1 (nhánh 1), L= 41m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3).1 đến cột 1.2/1.3 (nhánh 1), L= 140m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 1.2 đến cột 1.3 (nhánh 1), L= 20m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (2.3).5 (nhánh 2), L= 120m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.3).5 đến cột 2.7/1.2 (nhánh 2), L= 66m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 2.6 đến cột 2.10 (nhánh 2), L= 67m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.



+ Từ cột 2.8 đến cột 2.8/1.1 (nhánh 2), L= 18m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (2.3).5 (nhánh 3), L= 178m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.3).2 đến cột 3.2/1.1 (nhánh 3), L= 25m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.3).5 đến cột 3.10 (nhánh 3), L= 101m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Phần tiếp địa:

- Tiếp địa lặp lại 01 vị trí tại cột 1.2/1.3, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

22. Lưới điện TBA: Chợ Con 1:

- Phần cột: 07 vị trí, 07 cột:

+ Cột 1.2/1.1/1.1; 1.2/1.2; 1.2/1.3; 1.3/1.1; 1.3/1.2; 3.7/1.1, hiện trạng là cột CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 1.2/1.4, hiện trạng là cột H 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ hạ thế đến cột (1.2.3).1 đến cột (1.2.3.4).1 (nhánh 1), L= 163m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3.4).1 đến cột 1.1/1.2 (nhánh 1), L= 29m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3.4).1 đến cột 1.2/1.4 (nhánh 1), L= 163m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3.4).2 đến cột 1.3/1.2 (nhánh 1), L= 63m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 2.9 (nhánh 2), L= 378m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 3.8 (nhánh 3), L= 360m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 3.7 đến cột 3.7/1.1 (nhánh 3), L= 32m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (2.4).6 (nhánh 4), L= 305m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.3.4).5 đến cột 4.5/1.1 (nhánh 4), L= 17m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.4).6 đến cột 4.9 (nhánh 4), L= 61m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 07 vị trí tại cột 1.2/1.1/1.1; 1.2/1.2; 1.2/1.3; 1.2/1.4; 1.3/1.2; 3.7/1.1; 4.9, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

23. Lưới điện TBA: Chợ Con 3:

- **Phần cột: 01 vị trí, 01 cột:**

+ Cột 2.3/1.1, hiện trạng là cột sắt vuông, đã han rỉ, không đảm bảo vận hành.

- **Phần dây:**

+ Từ tủ hạ thế đến cột 1.5 (nhánh 1), L= 81m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 2.6 (nhánh 2), L= 189m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 3.7 (nhánh 3), L= 185m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (3.4).1 đến cột 4.1/1.1 (nhánh 3), L= 23m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 3.6 đến cột 3.6/1.1 (nhánh 3), L= 19m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 4.7 (nhánh 4), L= 151m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (3.4).2 đến cột 4.2/1.2 (nhánh 4), L= 43m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.4 đến cột 4.4/1.1 (nhánh 4), L= 28m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 04 vị trí tại cột 1.5; TC 1.1/1.3; 3.7; 2.3/1.1, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

24. Lưới điện TBA: Chợ Con 4:

- **Phần cột: 16 vị trí, 16 cột:**

+ Cột 1.7; 5.9, hiện trạng là cột 2CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 1.6; 1.6/1.1; 1.9 1.10; 1.11; 2.4/1.1; 3.10; 3.11; 3.12; 3.13; 4.8/1.3; 5.7; 5.10, hiện trạng là cột CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 4.7/1.3, hiện trạng là cột sắt vuông, đã han rỉ, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ hạ thế đến cột 1.12 (nhánh 1), L= 234m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (2.3.4).6 (nhánh 2), L= 150m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3.4.5).1 đến cột (2.4).2 (nhánh 2), L= 28m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (3.5).6 đến cột 3.13 (nhánh 3), L= 160m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 4.9 (nhánh 4), L= 232m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.7 đến cột 4.7/1.3 (nhánh 4), L= 73m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.8 đến cột 4.8/1.3 (nhánh 4), L= 67m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (3.5).6 (nhánh 5), L= 154m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 5.10; 2.4/1.1; 4.7/1.3, hiện không vận hành do đã rí một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

25. Lưới điện TBA: Kiến Thiết dân dụng 1:**- Phần cột: 03 vị trí, 03 cột:**

+ Cột 2.5/1.2; 5.4/1.1; 5.4/1.2, hiện trạng là cột CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ hạ thế đến cột 1.13 (nhánh 1), L= 295m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 2.10 (nhánh 2), L= 250m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).7 đến cột 2.9 (nhánh 2), L= 56m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (3.5).7 (nhánh 3), L= 160m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 4.8 (nhánh 4), L= 177m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (3.5).7 (nhánh 5), L= 150m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (3.5).4 đến cột 5.4/1.2 (nhánh 5), L= 35m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (3.5).4 đến cột 5.4/2.1 (nhánh 5), L= 24m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 6.7 (nhánh 6), L= 146m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (1.2.7).5 (nhánh 7), L= 117m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 05 vị trí tại cột 2.5/1.2; 1.13; 4.8; 5.4/1.2; 6.7, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc

26. Lưới điện TBA: Ngõ Quyền máy 630kVA:

- Phần cột: 6 vị trí, 8 cột:

+ Cột 2.10 hiện trạng là cột 2H 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 2.11; hiện trạng là cột H 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột (2.4).8, hiện trạng là cột 2CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 3.9; 4.8/1.2, hiện trạng là cột CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 1.9/1.4, hiện trạng là cột sắt, đã han rỉ, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ hạ thế đến cột 1.10 (nhánh 1), L= 251m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 1.9/1.1 đến cột 1.9/1.4 (nhánh 1), L= 92m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 1.10 đến cột 1.13 (nhánh 1), L= 74m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (1.2.3).6 (nhánh 2), L= 138m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3).6 đến cột 2.10 (nhánh 2), L= 108m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.



+ Từ cột (1.2.3).3 đến cột 3.9 (nhánh 3), L= 55m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 2.8 đến cột 2.8/1.1 (nhánh 4), L= 44m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 02 vị trí tại cột 1.13; 1.9/1.4, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngổ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

27. Lưới điện TBA: Tô Hiệu 3:

- Phần cột: 3 vị trí, 3 cột:

+ Cột 1.3, hiện trạng là cột H 8m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 5.4/1.1, hiện trạng là cột CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 2.6/1.2/1.1, hiện trạng là cột sắt, đã han rỉ, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ hạ thế đến cột 1.3 (nhánh 1), L= 61m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 1.1 đến cột 1.1/1.1 (nhánh 1), L= 28m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 2.6/1.2 (nhánh 2), L= 83m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 2.6/1.2 đến cột 2.6/1.3 (nhánh 2), L= 30m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 3.10 (nhánh 3), L= 205m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 3.8 đến cột 3.8/1.2 (nhánh 3), L= 30m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (3.4.5).5 (nhánh 4), L= 115m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.3.4.5).3 đến cột 4.3/1.1 (nhánh 4), L= 35m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (3.5).6 (nhánh 5), L= 95m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (3.4.5).4 đến cột 5.4/1.2 (nhánh 5), L= 44m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.



- Tiếp địa lặp lại 05 vị trí tại cột 4.3/1.1; 3.10; 2.6/1.3; 5.4/1.2; TC2.7, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

28. Lưới điện TBA: Hồ Sen 3:

- Phần cột: 13 vị trí, 13 cột:

+ Cột 3.7/1.1, hiện trạng là cột CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 1.5/1.1; 1.5/1.2; 2.10; 2.12/1.1; 2.13; 2.15; 3.6/1.1; 3.11; 3.12; 4.6/1.1, hiện trạng là cột sắt, đã han rỉ, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 2.16, hiện trạng là 2 cột sắt, đã han rỉ, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ hạ thế đến cột (1.4.5.9).6 (nhánh 1), L= 155m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.4.5.9).5 đến cột 1.5/1.2 (nhánh 1), L= 46m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 1.16 (nhánh 2), L= 237m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 2.9 đến cột 2.12/1.1 (nhánh 2), L= 81m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 3.12 (nhánh 3), L= 240m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.3).6 đến cột 3.7/1.1 (nhánh 3), L= 44m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.4.5.9).6 đến cột 4.6/1.1 (nhánh 4), L= 244m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.3).6 đến cột 3.7/1.1 (nhánh 4), L= 31m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3.4.5.6.9).1 đến cột 5.9 (nhánh 5), L= 239m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (1.2.3.4.5.6.9).1 (nhánh 6), L= 17m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (4.5.9).7 (nhánh 8), L= 186m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 11 vị trí tại cột 1.5/1.1; 1.5/1.2; 2.10; 2.12/1.1; 2.13; 2.15; 2.16; 3.6/1.1; 3.7/1.1; 3.11; 3.12; 4.6/1.1, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.



29. Lưới điện TBA: Hồ Sen 6 (phần san tải từ Hồ Sen 3):**- Phần cột: 11 vị trí, 12 cột:**

+ Cột: 2.12, hiện trạng là 2 cột sắt, đã han rỉ, không đảm bảo vận hành.

+ Cột: 1.5; 1.6; 1.7; 2.12/1.1; 2.13; 3.8; 3.9; 3.10; 3.11; 3.12, hiện trạng là cột sắt, đã han rỉ, không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 09 vị trí tại cột 1.5; 1.6; 1.7; 2.12; 2.12/1.1; 2.13; 3.8; 3.9; 3.10; 3.11; 3.12; 4.6/1.1, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

30. Lưới điện TBA: Chùa Chiếu 1:**- Phần cột: 06 vị trí, 06 cột:**

+ Cột (2.4.5.6).6; (2.4.5.6).8, hiện trạng là cột BTLT 8m, nghiêng, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 6.10; 6.5/1.1, hiện trạng là cột H 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 5.14, hiện trạng là cột CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

+ Cột 2.11/1.1, hiện trạng là cột sắt, đã han rỉ, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ hạ thế đến cột 2.16 (nhánh 2), L= 392m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.5).11 đến cột 2.11/1.1 (nhánh 2), L= 27m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột (2.4.5).10 (nhánh 4), L= 223m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ hạ thế đến cột 5.14 (nhánh 5), L= 346m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 02 vị trí tại cột 6.10; (2.4.5.6).8, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

31. Lưới điện TBA: Võ Nguyên Giáp 3 (San tải từ Thống Nhất 2):**- Phần dây:**

+ Từ cột (1.2.3).2 đến cột (1.3).8 (nhánh 1), L= 173m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.3).8 đến cột 1.5/1.1 (nhánh 1), L= 158m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3).2 đến cột 2.6 (nhánh 2), L= 116m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.3).2 đến cột 3.10 (nhánh 3), L= 235m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.3).9 đến cột 3.9/1.1 (nhánh 3), L= 83m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột (1.3).8; 2.6; 3.10, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

32. Lưới điện TBA: Tập thể Ngân Hàng:

- Phần dây:

+ Từ tủ HT đến cột 1.9 (nhánh 1), L= 222m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (1.2).6 (nhánh 2), L= 162m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ (1.2.3).2 đến cột 2.3/1.2 (nhánh 2), L= 61m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).6 đến cột 2.7 (nhánh 2), L= 15m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (1.2.3).5 (nhánh 3), L= 132m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (4.5).1 (nhánh 4), L= 117m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (4.5).1 (nhánh 5), L= 117m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 04 vị trí tại cột 1.9; (1.2).6; (1.2.3).4; (4.5).3, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

33. Lưới điện TBA: Thống Nhất 2

- Phần dây:

+ Từ tủ HT đến cột (1.3).6 (nhánh 1), L= 170m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (2.4).4 (nhánh 2), L= 168m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.4).4 đến cột 2.4/1.3 (nhánh 2), L= 60m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.



+ Từ cột 2.4/1.2 đến cột 2.4/1.2/1.1 (nhánh 2), L= 30m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.4).3 đến cột 2.3/1.1 (nhánh 2), L= 40m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột Từ cột (2.4).6 đến cột 2.6/1.1 (nhánh 2), L= 40m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (1.3).6 (nhánh 3), L= 170m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.3).3 đến cột 3.3/1.3 (nhánh 3), L= 90m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.3).5 đến cột 3.5/1.1 (nhánh 3), L= 42m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 4.12 (nhánh 4), L= 327m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ Từ cột (2.4).7 đến cột 4.7/1.2 (nhánh 4), L= 41m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.9 đến cột 4.9/1.1 (nhánh 4), L= 25m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.9 đến cột 4.9/1.2 (nhánh 4), L= 30m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 5.1/1.4 (nhánh 5), L= 228m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (5.6.7).3 (nhánh 6), L= 61m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (5.6.7).2 đến cột 6.2/1.1 (nhánh 6), L= 40m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 7.3/1.3 (nhánh 7), L= 127m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 07 vị trí tại cột 2.4/1.3; (1.3).6; 3.3/1.3(2.4).7; 5.1/1.4; (5.6.7).3; 7.3/1.3, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

34. Lưới điện TBA: Thống Nhất 3



- Phần dây:

+ Từ tủ HT đến cột 1.6 (nhánh 1), L= 174m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.6).2 đến cột 1.2/1.2 (nhánh 1), L= 85m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (2.6).8 (nhánh 2), L= 252m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (4.5).3 (nhánh 4), L= 72m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột trạm đến cột 4.1/1.1 (nhánh 4), L= 35m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (4.5).3 (nhánh 5), L= 72m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột trạm đến cột 5.1/1.1 (nhánh 5), L= 25m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 6.11 (nhánh 6), L= 345m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 06 vị trí tại cột 1.2/1.1; (2.6).8; 3.4; (4.5).2; 6.11; 5.1/1.1, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

35. Lưới điện TBA: Thống Nhất 1:**- Phần dây:**

+ Từ tủ HT đến cột (1.5).13 (nhánh 1), L= 373m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.5).13 đến cột 1.20 (nhánh 1), L= 167m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 2.4 (nhánh 2), L= 72m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.4).2 đến cột 2.2/1.4 (nhánh 2), L= 94m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 3.5 (nhánh 3), L= 128m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 3.4 đến cột 3.4/1.2 (nhánh 3), L= 29m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ từ HT đến cột (1.4.5).6 (nhánh 4), L= 143m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.4.5).6 đến cột 4.6/1.4 (nhánh 4), L= 173m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ từ HT đến cột (1.5).13 (nhánh 5), L= 373m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 05 vị trí tại cột 1.20; 2.2/1.4; 3.5; 4.6/1.5; (1.5).13, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

36. Lưới điện TBA: Chợ Hàng 1:

- **Phân cột: 01 vị trí, 01 cột:**

+ Cột 4.17, hiện trạng là cột 2CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

- **Phân dây:**

+ Từ từ HT đến cột 1.14 (nhánh 1), L= 316m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ từ HT đến cột (1.2.3).8 (nhánh 2), L= 178m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ từ HT đến cột 4.20 (nhánh 4), L= 463m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ từ HT đến cột (4.5).12 (nhánh 4), L= 263m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 04 vị trí tại cột 1.14; (1.3).10; 4.17; (4.5).12, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

37. Lưới điện TBA: Chợ Hàng 2:

- **Phân dây:**

+ Từ từ HT đến cột 1.11 (nhánh 1), L= 288m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ từ HT đến cột 4.4 (nhánh 4), L= 88m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ từ HT đến cột 6.9/1.1 (nhánh 6), L= 275m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 7.1/1.5 (nhánh 7), L= 228m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 05 vị trí tại cột (1.8).6; 1.11; 4.4; 6.10; 7.1/1.5, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

38. Lưới điện TBA: Đồng Tâm 2:

- Phần dây:

+ Từ tủ HT đến cột 2.7 (nhánh 2), L= 112m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 3.8 (nhánh 3), L= 157m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (3.4).5 đến cột 3.5/1.1 (nhánh 3), L= 37m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (3.4).6 (nhánh 4), L= 157m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (3.4).4 đến cột 4.4/1.3 (nhánh 4), L= 74m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (2.5).4 (nhánh 5), L= 58m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 6.4/1.2 (nhánh 6), L= 191m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 2.7; 4.4/1.3; 3.8, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

39. Lưới điện TBA: Đình Đông 1B:

- Phần cột: 05 vị trí, 05 cột:

+ Cột 1.6/1.1; 1.7/1.1; (1.2.3).7; 2.8/1.1; 2.10/1.1, hiện trạng là cột sắt, đã han rỉ, không đảm bảo vận hành.

- Phần dây:

+ Từ tủ HT đến cột (1.2).8 (nhánh 1), L= 309m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).7 đến cột 1.7/1.1 (nhánh 1), L= 17m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).7 đến cột 1.7/2.1 (nhánh 1), L= 31m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ (1.2).6 đến cột 1.6/1.1 (nhánh 1), L= 31m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).5 đến cột 1.5/1.1 (nhánh 1), L= 29m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 2.11 (nhánh 2), L= 385m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).8 đến cột 2.8/2.1 (nhánh 2), L= 31m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).8 đến cột 2.8/1.1 (nhánh 2), L= 12m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 2.8/1.1 đến cột 2.8/1.3 (nhánh 2), L= 33m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 3.7 (nhánh 3), L= 254m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 3.5 đến cột 3.5/1.1 (nhánh 3), L= 35m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 3.6 đến cột 3.6/1.1 (nhánh 3), L= 27m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 4.5 (nhánh 4), L= 158m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 1.6/1.1; 2.10/1.1; 1.7/1.1, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

40. Lưới điện TBA: Đình Đông 2:

- **Phần cột: 01 vị trí, 01 cột:**

+ Cột 4.2/1.1, hiện trạng là cột CV 7m, chân cột vỡ, trơ sắt, không đảm bảo vận hành.

- **Phần dây:**

+ Từ tủ HT đến cột 1.5 (nhánh 1), L= 119m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ 1.2 đến cột 1.2/1.4 (nhánh 1), L= 124m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 2.5 (nhánh 2), L= 134m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ 2.4 đến cột 2.4/1.1 (nhánh 2), L= 25m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 3.5 (nhánh 3), L= 190m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột trạm đến cột 3.1/1.4 (nhánh 3), L= 79m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (4.5).7 (nhánh 4), L= 199m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ (4.5).6 đến cột 4.6/1.2 (nhánh 4), L= 61m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ (4.5).2 đến cột 4.2/1.1 (nhánh 4), L= 18m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 5.9 (nhánh 5), L= 247m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ (4.5).7 đến cột 5.7/1.1 (nhánh 5), L= 33m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ 5.8 đến cột 5.8/1.1 (nhánh 5), L= 34m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 04 vị trí tại cột 1.5; 2.4; 3.1/1.4; (4.5).7, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

41. Lưới điện TBA: Đình Đông 1A (M1):

- Phần dây:

+ Từ tủ HT đến cột 1.13 (nhánh 1), L= 301m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 1.13 đến cột 1.16 (nhánh 1), L= 78m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 1.13 đến cột 1.13/1.3 (nhánh 1), L= 50m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).12 đến cột 1.12/1.1 (nhánh 1), L= 50m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.



+ Từ tủ HT đến cột (1.2).12 (nhánh 2), L= 284m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).9 đến cột 2.9/1.3 (nhánh 2), L= 93m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 3.8 (nhánh 3), L= 340m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (3.6).3 đến cột 3.3/1.2 (nhánh 3), L= 35m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (1.2.4.5).5 (nhánh 4), L= 96m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.4.5).5 đến cột 4.11 (nhánh 4), L= 106m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.8 đến cột 4.8/1.2 (nhánh 4), L= 60m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (1.2.5).7 (nhánh 5), L= 166m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 6.9 (nhánh 6), L= 320m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 6.5 đến cột 6.5/1.1 (nhánh 6), L= 27m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 05 vị trí tại cột 1.14; (1.2).12; (3.6).4; 4.8; (3.6).4, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

41. Lưới điện TBA: Đình Đông 1A (M1):

- Phần dây:

+ Từ tủ HT đến cột 1.13 (nhánh 1), L= 301m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 1.13 đến cột 1.16 (nhánh 1), L= 78m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 1.13 đến cột 1.13/1.3 (nhánh 1), L= 50m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.



+ Từ cột (1.2).12 đến cột 1.12/1.1 (nhánh 1), L= 50m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (1.2).12 (nhánh 2), L= 284m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2).9 đến cột 2.9/1.3 (nhánh 2), L= 93m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 3.8 (nhánh 3), L= 340m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (3.6).3 đến cột 3.3/1.2 (nhánh 3), L= 35m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (1.2.4.5).5 (nhánh 4), L= 96m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (1.2.4.5).5 đến cột 4.11 (nhánh 4), L= 106m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 4.8 đến cột 4.8/1.2 (nhánh 4), L= 60m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (1.2.5).7 (nhánh 5), L= 166m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 6.9 (nhánh 6), L= 320m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 6.5 đến cột 6.5/1.1 (nhánh 6), L= 27m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 05 vị trí tại cột 1.14; (1.2).12; (3.6).4; 4.8; (3.6).4, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

42. Lưới điện TBA: Tầng Thiết Giáp:

- Phần dây:

+ Từ 1.11 đến cột 1.11/1.6 (nhánh 1), L= 228m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 2.4 (nhánh 2), L= 131m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 3.9 (nhánh 3), $L= 315\text{m}$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 3.7 đến cột 3.7/1.3 (nhánh 3), $L= 91\text{m}$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 3.7/1.1 đến cột 3.7/1.1/1.2 (nhánh 3), $L= 60\text{m}$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 4.12 (nhánh 3), $L= 406\text{m}$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 1.11/1.1; 3.7; 4.12, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.

43. Lưới điện TBA: Trại Lê.

- Phân dây:

+ Từ tủ HT đến cột 1.4 (nhánh 1), $L= 70\text{m}$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 1.3 đến cột 1.4/1.1 (nhánh 1), $L= 76\text{m}$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột (2.5).8 (nhánh 2), $L= 269\text{m}$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.5).8 đến cột 2.10 (nhánh 2), $L= 41\text{m}$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.5).4 đến cột 2.4/1.1 (nhánh 2), $L= 22\text{m}$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 3.4 (nhánh 3), $L= 138\text{m}$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột (2.3.5).1 đến cột 3.1/1.2 (nhánh 3), $L= 77\text{m}$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 4.4 (nhánh 4), $L= 125\text{m}$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ tủ HT đến cột 5.10 (nhánh 5), $L= 324\text{m}$, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 5.10 đến cột 5.13 (nhánh 5), L= 99m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột 5.10 đến cột 5.10/1.2 (nhánh 5), L= 69m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

+ Từ cột Từ 5.9 đến cột 5.9/1.1 (nhánh 5), L= 25m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, cáp rạn, suy giảm cách điện, nhiều mối nối..., không đảm bảo vận hành.

- Tiếp địa lặp lại 01 vị trí tại cột 1.3, hiện không vận hành do đã rỉ một dây, các cọc tiếp địa do nhân dân đổ bê tông cải tạo nâng độ cao đường, ngõ 30 - 40 cm, không còn đầu cọc.



CHƯƠNG 4: PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA (DỰ KIẾN).

1. Lưới điện TBA: Đất Đỏ:

- Phân cột: 05 vị trí, 05 cột;

+ Thay cột (1.3.4).2; (2.5.6).2, bằng cột LBT-PC 8.0/3.5; móng MT8, thu hồi cột BTLT 8m: 02 cột.

+ Thay cột 1.7/1.2; 1.7/1.3, bằng cột LBT-PC 7.0/2.5; móng MT7, thu hồi cột BTLT 7m: 02 cột.

+ Cột 1.7/1.1, thay bằng cột sắt hình D160, móng MT6S-TC, thu hồi cột sắt tròn: 01 cột.

- Phân dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.10 (nhánh 1), L= 290m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 290m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Từ cột 3.4 đến cột 3.4/1.3 (nhánh 2), L= 166m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 166m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.7/1.1 (nhánh 3), L= 67m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 67m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 4.8 (nhánh 4), L= 171m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có chiều dài L= 171m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột 4.7 đến cột 4.7/1.2, L= 71m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 71m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (2.6).4, L= 106m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 71m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

- Phân tiếp địa:

- Thay tiếp địa lắp lại 07 vị trí tại cột (2.6).4; 1.7/1.1; 3.4/1.3; 4.8; 4.7/1.1; (1.4).6; 1.10.

2. Lưới điện TBA: Đoàn Thị Điểm:

- Phân cột: 10 vị trí, 10 cột:

+ Thay cột 4.2; 4.4, bằng cột LBT-PC 8.0/3.5, móng MT8, thu hồi cột H 8m: 02 cột.

+ Thay cột (2.6).4, bằng cột LBT-PC 8.0/3.5, móng MT8, thu hồi cột BTLT 8m: 01 cột.

+ Thay cột (2.6).3, bằng cột LBT-PC 8.0/2.5, móng MT8, thu hồi cột BTLT 8m: 01 cột.

+ Thay cột 3.3, bằng cột LBT-PC 8.0/2.5, móng MT8, thu hồi cột H 8m: 01 cột.

+ Thay cột 6.7, bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7, thu hồi cột CV 7m: 01 cột

+ Thay cột 2.4, (2.6).1, bằng cột LBT-PC 7.0/2.5, móng MT7, thu hồi cột H 7m: 02 cột.

+ Thay cột (1.5).1; (1.5).2, bằng LBT-PC 7.0/2.5, móng MT7, thu hồi cột CV 7m: 02 cột.

- Phân dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.5).3 (nhánh 1), L= 63m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 63m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.



+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (2.6).4 (nhánh 2), L= 118m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 118m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột (2.6).2 đến cột 2.5(nhánh 2), L= 76m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 76m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 3.3 (nhánh 3), L= 57m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 57m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 4.4 (nhánh 4), L= 82m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 82m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột 4.2 đến cột 4.2/1.1 (nhánh 4), L= 50m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 50m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.5).1 (nhánh 5), L= 63m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 63m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 6.7 (nhánh 5), L= 188m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 188m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

- Phân tiếp địa:

- Thay tiếp địa lắp lại 06 vị trí tại cột (1.5).3; (2.6).4; 2.5; 3.3; 4.2/1.1; 6.7.

3. Lưới điện TBA: Mê Linh 2;

- Phân dây:

+ Thay cáp từ HT đến cột 1.4 (nhánh 1), L= 118m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 118m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ HT đến cột (1.2).1 (nhánh 2), L= 12m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 118m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

- Thay tiếp địa lắp lại 01 vị trí tại cột 1.3.

4. Lưới điện TBA: Trương Hán Siêu;

- Phân dây:

+ Thay cáp từ HT đến cột 1.1/1.1 (nhánh 1), L= 102m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ L= 102m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ HT đến cột 2.5 (nhánh 2), L= 139m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 139m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

- Phân tiếp địa:

- Thay tiếp địa lắp lại 03 vị trí tại cột 1.2; 1.1/1.1; 2.5.

5. Lưới điện TBA: Thuận Thái.

- Phân dây:



+ Thay cáp từ HT đến cột 1.4 (nhánh 1), L= 90m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 90m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ HT đến cột 2.1/1.2 (nhánh 2), L= 84m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 84m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ HT đến cột 3.2 (nhánh 3), L= 26m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 26m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

- Phần tiếp địa:

- Thay tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 1.4; 2.2; 3.2.

6. Lưới điện TBA Trần Nguyên Hãn (san tải từ Đoàn Thị Điểm).

- Phần cột: 03 vị trí, 03 cột:

+ Thay cột (1.2).2; 1.3; 1.6, bằng cột LBT-PC 8.0/3.5, móng MT8, thu hồi cột BTLT 8m: 01 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ cột (1.2).2 đến cột 1.5/1.1 (nhánh 1), L= 158m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 158m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột (1.2).2 đến cột 3.5 (nhánh 2), L= 188m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 188m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột 3.2 đến cột 3.3 (nhánh 3), L= 65m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 65m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

- Phần tiếp địa:

- Thay tiếp địa lặp lại 04 vị trí tại cột 3.5; 1.6/1.1; 2.5/1.1; 1.5/1.1.

7. Lưới điện TBA: An Dương dân dụng 2.

- Phần cột: 05 vị trí, 05 cột:

+ Thay cột 3.3; 3.4, bằng cột LBT-PC 8.0/2.5, móng MT8, thu hồi cột BTLT 8m: 02 cột.

+ Thay cột 3.5, bằng cột LBT-PC 8.0/3.5, móng MT8, thu hồi cột BTLT 8m: 01 cột.

+ Thay cột (1.2).3, bằng cột LBT-PC 7.0/2.5, móng MT7, thu hồi cột BTLT 7m: 01 cột.

+ Thay cột 1.6, bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7: thu hồi cột BTLT 7m: 01 cột

- Phần dây:

+ Thay cáp từ từ HT đến cột 1.9 (nhánh 1), L= 238m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 238m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ từ HT đến cột 3.6 (nhánh 3), L= 236m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 236m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ từ HT đến cột 4.13 (nhánh 4), L= 496m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 496m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.



+ Thay cáp từ cột 4.5 đến cột 4.5/1.2 (nhánh 4), L= 62m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 62m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

- Phần tiếp địa:

- Thay tiếp địa lặp lại 05 vị trí tại cột 1.9; 4.6; 4.13; 3.6; 4.5/1.2.

8. Lưới điện TBA: Cống Luồn:

- Phần cột: 01 vị trí, 01 cột:

+ Thay cột 1.3, bằng cột LBT-PC 8.0/2.5, móng MT8, thu hồi cột BTLT 8m: 01 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.11 (nhánh 1), L= 323m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 323m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột 1.4 đến cột 1.4/1.1 (nhánh 1), L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

- Phần tiếp địa:

- Thay tiếp địa lặp lại 02 vị trí tại cột 1.11; 1.4/1.1.

9. Lưới điện TBA: Xi Măng 4B:

- Phần cột: 01 vị trí, 01 cột:

+ Thay cột 2.3, thay bằng cột LBT-PC 7.0/2.5, móng MT7, thu hồi cột BTLT 7m: 01 cột.

+ Thay cột 2.5, thay bằng cột sắt hình D160, móng MT6S, thu hồi cột sắt 6m: 01 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.1/1.1 (nhánh 1), L= 30m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 30m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 2.2/1.2 (nhánh 2), L= 129m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 129m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột 2.2 đến cột 2.2/1.1 (nhánh 2), L= 37m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 37m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70.

- Phần tiếp địa:

- Thay tiếp địa lặp lại 02 vị trí tại cột 1.1/1.1; 2.6.

10. Lưới điện TBA: Xi Măng 4A:

- Phần cột: 02 vị trí, 03 cột:

+ Thay cột 3.1/1.1, bằng cột LBT-PC 8.0/2.5, móng MT8, thu hồi cột H 8m: 01 cột.

+ Thay cột 2.6, bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7, thu hồi cột CV7m: 01 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.1/1.1 (nhánh 1), L= 30m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 30m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.1 (nhánh 1), L= 30m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 30m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.5 (nhánh 1), L= 72m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 72m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 2.9 (nhánh 2), L= 208m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 208m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột 2.5 đến cột 2.5/1.1 (nhánh 2), L= 42m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 42m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 3.5 (nhánh 3), L= 146m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 146m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột (2.3).1 đến cột 3.1/1.2 (nhánh 3), L= 46m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 46m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70.

- Phân tiếp địa:

- Thay tiếp địa lắp lại 04 vị trí tại cột 3.1/1.2; 1.5; 2.9; 3.5.

11. Lưới điện TBA: Cầu Đất 4:

- Phân cột: 02 vị trí, 02 cột:

+ Thay cột 1.2, thay bằng cột sắt hình D160, móng MT6S, thu hồi cột CV7m: 01 cột.

+ Thay cột 3.3, thay bằng cột sắt hình D160, móng MT6S, thu hồi cột sắt: 01 cột.

- Phân dây:

+ Thay cáp từ cột (1.2.3.4.5.6).1 đến cột 1.2 (nhánh 1), L= 40m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 40m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột (1.2.3.4.5.6).1 đến cột 3.3 (nhánh 3), L= 57m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 57m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột (4.6).4 đến cột 4.4/1.1 (nhánh 4), L= 29m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 29m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột (2.5).6 đến cột 5.10 (nhánh 5), L= 110m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 110m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột 5.8 đến cột 5.8/1.1 (nhánh 5), L= 20m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 20m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70.

- Phân tiếp địa:

- Thay tiếp địa lắp lại 04 vị trí tại cột 1.2; 4.4/1.1; 5.10; 5.8/1.1.

12. Lưới điện TBA: Cầu Đất 6:

- Phân cột: 01 vị trí, 02 cột:

+ Thay cột 2.1, bằng cột LBT-PC 7.0/2.5, móng MT7, thu hồi cột H 7m: 02 cột

- Phân dây:

+ Từ cột 2.1 đến cột 2.3/1.2 (nhánh 2), L= 111m, hiện trạng là cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có chiều dài và chủng loại tương đương.

- Phần tiếp địa:

- Thay tiếp địa lặp lại 02 vị trí tại cột 2.4; 2.3/1.2.

13. Lưới điện TBA: Cơ Khí 1-5:

Phần tủ phân phối hạ thế (có ngăn lắp công tơ): 04 Tủ: (theo CV số 1827/PCHP-KHVT ngày 06/6/2025, của Công ty Điện lực Hải Phòng).

- Thay Tủ phân phối hạ thế lắp công tơ số 2.1; 2.2; 2.3; 2.4, hiện trạng là tủ bê tông, bằng Tủ phân phối hạ thế (có ngăn lắp được 12 công tơ) trọn bộ không bao gồm MCCB.

+ Bổ sung cáp đường trục vào, ra

+ Tận dụng 01 MCCB tổng 3 pha và các MCCB sau công tơ.

+ Thu hồi tủ bê tông cũ và thiết bị hiện có trong tủ cũ theo biên tháo dỡ tại hiện trường

- **Móng tủ:** Móng tủ (450x650x1000): 04 móng.

- Phần tiếp địa:

- Thay tiếp địa lặp lại 04 vị trí tại tủ TC 2.1; 2.2; 2.3; 2.4.

14. Lưới điện TBA: Vĩnh Niệm 5:

- Phần cột: 05 vị trí, 09 cột:

+ Thay cột (1.2.3.5).2; (1.2.3.5).4; (1.2.3.5).6, thay bằng cột LBT-PC 10.0/4.3, móng M2T10, thu hồi cột BTLT 10m: 02 cột.

+ Thay cột 3.12, bằng cột 2LBT-PC 8.0/3.5, móng M2T8, thu hồi cột BTLT 8m: 02 cột.

+ Thay cột (4.5).1, bằng cột LBT-PC 8.0/3.5, móng MT8, thu hồi cột BTLT 8m: 01 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.2.3.5).6 (nhánh 1), L= 198m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 198m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120.

+ Thay cáp từ cột (1.2.3.5).4 đến cột 1.4/2.2 (nhánh 1), L= 156m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 156m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50.

+ Thay cáp từ cột (1.2.3.5).4 đến cột 1.4/1.2 (nhánh 2), L= 55m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 55m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50.

+ Tủ HT đến cột 3.12 (nhánh 3), L= 336m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 336m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120.

+ Thay cáp từ cột 3.10 đến cột 3.10/1.1 (nhánh 3), L= 50m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 50m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 4.6 (nhánh 4), L= 177m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 177m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ cột 4.4 đến cột 4.4/1.1 (nhánh 4), L= 71m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 71m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50.

+ Thay cáp từ cột 4.2 đến cột 4.2/1.1 (nhánh 4), L= 38m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 38m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.2.3.5).6 (nhánh 5), L= 202m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 202m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

- **Phần tiếp địa:**

- Thay tiếp địa lắp lại 04 vị trí tại cột Cột (4.5).1; (1.2.3.5).6; 3.12; 5.9.

15. Lưới điện TBA: Võ Nguyên Giáp 1:

- **Phần cột: 03 vị trí, 04 cột:**

+ Thay cột 3.2/1.1, bằng cột 2LBT-PC 10.0/4.3, móng M2T10, thu hồi cột BTLT 10m: 02 cột.

+ Thay cột 3.5, bằng cột LBT-PC 8.0/3.5, móng MT8, thu hồi cột BTLT 8m: 01 cột.

+ Thay 3.6, bằng cột LBT-PC 8.0/2.5, móng MT8, thu hồi cột BTLT 8m: 01 cột.

- **Phần dây:**

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.2.3).1 (nhánh 1), L= 147m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 147m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95.

+ Thay cáp từ tủ (1.2).2 đến cột 1.2/1.1 (nhánh 1), L= 32m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 32m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50.

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.2).2 (nhánh 2), L= 62m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 62m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

- **Phần tiếp địa:**

- Thay tiếp địa lắp lại 03 vị trí tại cột 3.5; (1.2).3; 1.4.

16. Lưới điện TBA: Niệm Nghĩa 1B:

- **Phần cột: 09 vị trí, 10 cột:**

+ Thay cột 1.7, bằng cột LBT-PC 10.0/4.3, móng MT10, thu hồi cột BTLT 10m: 01 cột.

+ Thay cột 1.2/1.1; 1.4/1.2, thay bằng cột LBT-PC 7.0/2.5, móng MT7, thu hồi cột CV 7m: 02 cột.

+ Thay cột 4.6/1.3, , bằng cột 2LBT-PC 7.0/2.5, móng M2T7, thu hồi cột CV 7m: 02 cột.

+ Thay cột 1.4/1.3; 1.4/1.4; 1.4/2.1; 4.6/1.2; 4.6/1.3; 5.2/1.3, thay bằng cột LBT-PC 7.0/2.5, móng MT7, thu hồi cột CV 7m: 06 cột.

- **Phần dây:**

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột cột 1.4 đến cột 1.7 (nhánh 1), L= 155m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 155m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 1.4 đến cột 1.4/2.1 (nhánh 1), L= 56m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 56m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột 1.4 đến cột 1.4/2.1 (nhánh 1), L= 18m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 18m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 2.4 (nhánh 2), L= 18m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 18m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột 2.2 đến cột 2.2/1.1 (nhánh 2), L= 116m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 116m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 2.2 đến cột 2.2/1.1 (nhánh 2), L= 20m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 20m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 4.9 (nhánh 4), L= 208m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có

+ Thay cáp từ cột 4.6 đến cột 4.6/1.3 (nhánh 4), L= 82m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 82m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 4.6/1.2 đến cột 4.6/1.2/1.1 (nhánh 4), L= 28m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 28m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 4.8 đến cột 4.8/1.1 (nhánh 4), L= 20m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 20m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (4.5).4 (nhánh 5), L= 97m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 97m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ từ cột 5.5 đến cột 5.2/1.3 (nhánh 5), L= 92m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 92m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột 5.2/1.1 đến cột 5.2/1.1/1.1 (nhánh 5), L= 36m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 36m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

- Phần tiếp địa:

- Thay tiếp địa lắp lại 07 vị trí tại cột 1.2/1.1; 1.4/1.4; 1.4/2.1; 1.7; 5.2/1.1; (2.4.5).1; 4.9.

17. Lưới điện TBA: Niệm Nghĩa 10 (san tải từ TBA Niệm Nghĩa 1B):

- Phần cột: 01 vị trí, 01 cột:

+ Thay cột 2.5, thay bằng cột sắt hình D160, móng MT6S: thu hồi cột CV 7m: 01 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ cột (1.2).1 đến cột 1.3 (nhánh 1), L= 60m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 60m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2).1 đến cột 2.4 (nhánh 2), L= 81m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 60m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 2.4 đến cột 2.5 (nhánh 2), L= 23m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 23m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 2.3 đến cột 2.3/1.1 (nhánh 2), L= 40m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 40m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

- Phần tiếp địa:

- Thay tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 2.5; 2.3; (1.2).1.

18. Lưới điện TBA: Đồng Bún 2:

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 1.14 (nhánh 1), L= 402m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 402m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (1.2.3).6 (nhánh 2), L= 151m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 151m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2.3).3 đến cột 2.3/1.1 (nhánh 2), L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột (1.2.3).3 đến cột 2.4/1.4 (nhánh 2), L= 93m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 93m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (1.3).8 (nhánh 3), L= 204m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 204m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 4.2 (nhánh 4), L= 57m (nhánh 4), chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 57m (nhánh 4), chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

19. Lưới điện TBA: Vĩnh Niệm 7:

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 1.9 (nhánh 1), L= 287m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 287m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Thay cáp từ cột (1.2).4 đến cột 2.4/1.1 (nhánh 2), L= 45m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 287m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Thay cáp từ cột 3.1 đến cột 3.2/1.3 (nhánh 3), L= 223m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 287m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

20. Bưu Điện dân dụng 1:

- Phần cột: 03 vị trí, 03 cột:

+ Thay cột 4.3/1.1, bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7, thu hồi cột CV 7m: 01 cột.

+ Thay cột 5.5; 5.6, bằng cột sắt hình D160, móng MT6S, thu hồi cột CV 7m: 02 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ cột (4.5).1 đến cột 4.3/1.1 (nhánh 4), L= 75m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 75m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột (4.5).1 đến cột 5.6 (nhánh 5), L= 120m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 120m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 5.3 đến cột 5.3/1.1 (nhánh 5), L= 20m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 20m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

- Thay tiếp địa lập lại 02 vị trí tại cột 5.5; 5.6.

21. Lưới điện TBA: Bưu Điện Hải Phòng:

- **Phần cột: 05 vị trí, 05 cột:**

+ Thay cột 2.7/1.1; 1.2/1.2, thay bằng cột LBT-PC 7.0/2.5, móng MT7, thu hồi cột CV 7m: 02 cột.

+ Thay cột 2.7/1.2; 2.10, thay bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7, thu hồi cột CV 7m: 02 cột.

+ Thay cột 1.2/1.3, bằng cột sắt hình D160, móng MT6S, thu hồi cột CV 7m: 02 cột.

- **Phần dây:**

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (1.2.3).1 (nhánh 1), L= 41m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 41m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2.3).1 đến cột 1.2/1.3 (nhánh 1), L= 140m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 140m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 1.2 đến cột 1.3 (nhánh 1), L= 20m, chủng loại cáp VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (2.3).5 (nhánh 2), L= 120m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 120m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Thay cáp từ cột (2.3).5 đến cột 2.7/1.2 (nhánh 2), L= 66m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 66m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 2.6 đến cột 2.10 (nhánh 2), L= 67m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 67m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 2.8 đến cột 2.8/1.1 (nhánh 2), L= 18m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 18m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (2.3).5 (nhánh 3), L= 178m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 178m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (2.3).2 đến cột 3.2/1.1 (nhánh 3), L= 25m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 25m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột (2.3).5 đến cột 3.10 (nhánh 3), L= 101m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 101m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

- **Phần tiếp địa:**

- Thay tiếp địa lập lại 01 vị trí tại cột 1.2/1.3.

22. Lưới điện TBA: Chợ Con 1:

- **Phần cột: 07 vị trí, 07 cột:**

+ Thay cột 1.2/1.4; 1.3/1.1, bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7, thu hồi cột CV7m: 02 cột.

+ Thay cột 1.2/1.1/1.1; 1.2/1.2; 1.2/1.3; 1.3/1.2; 3.7/1.1, bằng cột sắt hình D160, móng MT6S, thu hồi cột CV7m: 05 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (1.2.3).1 đến cột (1.2.3.4).1 (nhánh 1), L= 163m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 163m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2.3.4).1 đến cột 1.1/1.2 (nhánh 1), L= 29m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 29m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột (1.2.3.4).1 đến cột 1.2/1.4 (nhánh 1), L= 163m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 163m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2.3.4).2 đến cột 1.3/1.2 (nhánh 1), L= 63m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 63m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 2.9 (nhánh 2), L= 378m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 378m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 3.8 (nhánh 3), L= 360m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 360m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 3.7 đến cột 3.7/1.1 (nhánh 3), L= 32m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 32m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (2.4).6 (nhánh 4), L= 305m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 305m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Thay cáp từ cột (2.3.4).5 đến cột 4.5/1.1 (nhánh 4), L= 17m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 17m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột (2.4).6 đến cột 4.9 (nhánh 4), L= 61m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 61m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

- Thay tiếp địa lặp lại 07 vị trí tại cột 1.2/1.1/1.1; 1.2/1.2; 1.2/1.3; 1.2/1.4; 1.3/1.2; 3.7/1.1; 4.9.

23. Lưới điện TBA: Chợ Con 3:

- Phần cột: 01 vị trí, 01 cột:

+ Thay cột 2.3/1.1, bằng cột sắt hình D160, móng MT6S, thu hồi cột sắt 6m: 01 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 1.5 (nhánh 1), L= 81m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 81m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 2.6 (nhánh 2), L= 189m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 189m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 3.7 (nhánh 3), L= 185m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 185m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (3.4).1 đến cột 4.1/1.1 (nhánh 3), L= 23m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 23m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột 3.6 đến cột 3.6/1.1 (nhánh 3), L= 19m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 19m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 4.7 (nhánh 4), L= 151m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 151m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (3.4).2 đến cột 4.2/1.2 (nhánh 4), L= 43m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 43m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột 4.4 đến cột 4.4/1.1 (nhánh 4), L= 28m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 28m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

- Thay tiếp địa lặp lại 04 vị trí tại cột 1.5; TC 1.1/1.3; 3.7; 2.3/1.1.

24. Lưới điện TBA: Chợ Con 4:

- Phần cột: 16 vị trí, 16 cột:

+ Thay cột 1.7; 5.9, bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7, thu hồi cột 2CV 7m: 04 cột.

+ Thay cột 1.6; 1.6/1.1; 1.9 1.10; 1.11; 2.4/1.1; 3.10; 3.11; 3.12; 3.13; 4.8/1.3; 5.7; 5.10, LBT-PC 7.0/2.5, móng MT7; thu hồi cột CV 7m: 12

+ Thay cột 2.4/1.1, bằng cột sắt hình D160, móng MT6S, thu hồi cột CV 7m: 01 cột.

+ Thay cột 4.7/1.3, bằng cột sắt hình D160, móng MT6S; thu hồi cột sắt vuông: 01 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 1.12 (nhánh 1), L= 234m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 234m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (2.3.4).6 (nhánh 2), L= 150m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 150m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2.3.4.5).1 đến cột (2.4).2 (nhánh 2), L= 28m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 28m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột (3.5).6 đến cột 3.13 (nhánh 3), L= 160m chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 160m chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 4.9 (nhánh 4), L= 232m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 232m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 4.7 đến cột 4.7/1.3 (nhánh 4), L= 73m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 73m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 4.8 đến cột 4.8/1.3 (nhánh 4), L= 67m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 67m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (3.5).6 (nhánh 5), L= 154m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 154m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

- Thay tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 5.10; 2.4/1.1; 4.7/1.3.

25. Lưới điện TBA: Kiến Thiết dân dụng 1:

- **Phần cột: 03 vị trí, 03 cột:**

+ Thay cột 5.4/1.1, bằng cột LBT-PC 7.0/2.5, móng MT7, thu hồi cột CV 7m: 01 cột.

+ Thay cột 5.4/1.2, bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7: thu hồi cột CV 7m: 01 cột.

+ Thay cột 2.5/1.2, bằng cột sắt hình D160, móng MT6S, thu hồi cột CV 7m: 01 cột.

- **Phần dây:**

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 1.13 (nhánh 1), L= 295m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 295m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 2.10 (nhánh 2), L= 250m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 250m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2).7 đến cột 2.9 (nhánh 2), L= 56m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 56m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (3.5).7 (nhánh 3), L= 160m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 160m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 4.8 (nhánh 4), L= 177m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 177m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (3.5).7 (nhánh 5), L= 150m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 150m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (3.5).4 đến cột 5.4/1.2 (nhánh 5), L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột (3.5).4 đến cột 5.4/2.1 (nhánh 5), L= 24m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 24m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 6.7 (nhánh 6), L= 146m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 146m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (1.2.7).5 (nhánh 7), L= 117m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 117m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

- Thay tiếp địa lặp lại 05 vị trí tại cột 2.5/1.2; 1.13; 4.8; 5.4/1.2; 6.7.

26. Lưới điện TBA: Ngô Quyền máy 630kVA:

- Phần cột: 6 vị trí, 6 cột:

+ Thay cột 2.11; bằng cột LBT-PC 7.0/2.5, móng MT7, thu hồi cột H 7m: 01 cột.

+ Thay cột (2.4).8, bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7, thu hồi cột 2CV 7m: 01 cột.

+ Thay cột 2.10 bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7, thu hồi cột 2H 7m: 01 cột.

+ Thay cột 3.9; 4.8/1.2, bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7, thu hồi cột CV 7m: 02 cột

+ Thay cột 1.9/1.4, thay bằng cột sắt hình D160, móng MT6S: thu hồi cột sắt: 01 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 1.10 (nhánh 1), L= 251m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 251m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Thay cáp từ cột 1.9/1.1 đến cột 1.9/1.4 (nhánh 1), L= 92m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 92m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 1.10 đến cột 1.13 (nhánh 1), L= 74m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 74m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (1.2.3).6 (nhánh 2), L= 138m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 138m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Thay cáp từ cột (1.2.3).6 đến cột 2.10 (nhánh 2), L= 108m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 108m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2.3).3 đến cột 3.9 (nhánh 3), L= 55m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 55m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột 2.8 đến cột 2.8/1.1 (nhánh 4), L= 44m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 44m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

- Thay tiếp địa lặp lại 02 vị trí tại cột 1.13; 1.9/1.4.

27. Lưới điện TBA: Tô Hiệu 3:

- Phần cột: 3 vị trí, 3 cột:

+ Thay cột 1.3, thay bằng cột LBT-PC 8.0/3.5, móng MT8; thu hồi cột H 8m: 01 cột.

+ Thay cột 5.4/1.1, thay bằng cột LBT-PC 7.0/2.5, móng MT7, thu hồi cột CV 7m: 01 cột.

+ Thay cột 2.6/1.2/1.1, bằng cột sắt hình D160, móng MT6S; thu hồi cột sắt: 01 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 1.3 (nhánh 1), L= 61m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 61m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 1.1 đến cột 1.1/1.1 (nhánh 1), L= 28m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 28m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 2.6/1.2 (nhánh 2), L= 83m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 83m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 2.6/1.2 đến cột 2.6/1.3 (nhánh 2), L= 30m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 30m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 3.10 (nhánh 3), L= 205m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 205m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 3.8 đến cột 3.8/1.2 (nhánh 3), L= 30m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (3.4.5).5 (nhánh 4), L= 115m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 115m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (2.3.4.5).3 đến cột 4.3/1.1 (nhánh 4), L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (3.5).6 (nhánh 5), L= 95m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 95m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (3.4.5).4 đến cột 5.4/1.2 (nhánh 5), L= 44m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 44m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

- Thay tiếp địa lặp lại 05 vị trí tại cột 4.3/1.1; 3.10; 5.4/1.2; TC2.7; 2.6/1.2/1.1.

28. Lưới điện TBA: Hồ Sen 3:

- Phần cột: 12 vị trí, 12 cột:

+ Thay cột 3.7/1.1, thay bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7; thu hồi cột CV 7m: 01 cột.

+ Thay cột 1.5/1.1; 1.5/1.2; 2.10; 2.12/1.1; 2.13; 2.15; 3.6/1.1; 3.11; 3.12; 4.6/1.1, bằng cột sắt hình D160, móng MT6S; thu hồi cột sắt: 11 cột.

+ Thay cột 2.16, bằng sắt hình D160, móng MT6S, thu hồi cột sắt: 01 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (1.4.5.9).6 (nhánh 1), L= 155m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 155m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.4.5.9).5 đến cột 1.5/1.2 (nhánh 1), L= 46m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 46m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 1.16 (nhánh 2), L= 237m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 237m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 2.9 đến cột 2.12/1.1 (nhánh 2), L= 81m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 81m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 3.12 (nhánh 3), L= 240m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 240m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (2.3).6 đến cột 3.7/1.1 (nhánh 3), L= 44m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 44m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột (1.4.5.9).6 đến cột 4.6/1.1 (nhánh 4), L= 244m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 244m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (2.3).6 đến cột 3.7/1.1 (nhánh 4), L= 31m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 31m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột (1.2.3.4.5.6.9).1 đến cột 5.9 (nhánh 5), L= 239m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 239m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (1.2.3.4.5.6.9).1 (nhánh 6), L= 17m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 17m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (4.5.9).7 (nhánh 8), L= 186m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 186m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

- Tiếp địa lặp lại 11 vị trí tại cột 1.5/1.1; 1.5/1.2; 2.10; 2.12/1.1; 2.13; 2.15; 2.16; 3.6/1.1; 3.7/1.1; 3.11; 3.12; 4.6/1.1.

29. Lưới điện TBA: Hồ Sen 6 (phần san tải từ Hồ Sen 3):

- Phần cột: 11 vị trí, 11 cột:

+ Thay cột: 3.8; 3.9, thay bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7, thu hồi cột sắt: 02 cột.

+ Thay cột: 2.12, bằng sắt hình D160, móng MT6S; thu hồi cột sắt: 02 cột.

+ Thay cột: 1.5; 1.6; 1.7; 2.12/1.1; 2.13; 3.10; 3.11; 3.12, bằng sắt hình D160, móng MT6S; thu hồi cột sắt: 08 cột.

- Thay tiếp địa lặp lại 09 vị trí tại cột 1.5; 1.6; 1.7; 2.12; 2.12/1.1; 2.13; 3.8; 3.9; 3.10; 3.11; 3.12; 4.6/1.1.

30. Lưới điện TBA: Chùa Chiêu 1:

- Phần cột: 06 vị trí, 06 cột:

+ Thay cột (2.4.5.6).6, thay bằng cột LBT-PC 8.0/2.5, móng MT8; thu hồi cột BTLT 8m: 01 cột.

+ Thay cột (2.4.5.6).8, thay bằng cột LBT-PC 8.0/3.5, móng MT8; thu hồi cột BTLT 8m: 01 cột.

+ Thay cột 6.10; 6.5/1.1, thay bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7; thu hồi cột H 7m: 02 cột.

+ Thay cột 5.14, thay bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7, thu hồi cột CV 7m: 01 cột.

+ Thay cột 2.11/1.1, bằng sắt hình D160, móng MT6S; thu hồi cột sắt: 01 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 2.16 (nhánh 2), L= 392m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 392m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (2.5).11 đến cột 2.11/1.1 (nhánh 2), L= 27m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 27m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột (2.4.5).10 (nhánh 4), L= 223m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 223m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ hạ thế đến cột 5.14 (nhánh 5), L= 346m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 346m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

- Thay tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 6.10; (2.4.5.6).8; 2.11/1.1.

31. Lưới điện TBA: Võ Nguyên Giáp 3 (San tải từ Thống Nhất 2):

- Phần dây:

+ Thay cáp từ cột (1.2.3).2 đến cột (1.3).8 (nhánh 1), L= 173m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 173m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột (1.3).8 đến cột 1.5/1.1 (nhánh 1), L= 158m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 158m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột (1.2.3).2 đến cột 2.6 (nhánh 2), L= 116m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 116m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2.3).2 đến cột 3.10 (nhánh 3), L= 235m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 235m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Thay cáp từ cột (1.3).9 đến cột 3.9/1.1 (nhánh 3), L= 83m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 83m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

- Thay tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột (1.3).8; 2.6; 3.10.

32. Lưới điện TBA: Tập thể Ngân Hàng:

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.9 (nhánh 1), L= 222m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 222m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.2).6 (nhánh 2), L= 162m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 162m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2.3).2 đến cột 2.3/1.2 (nhánh 2), L= 61m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 61m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2).6 đến cột 2.7 (nhánh 2), L= 15m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 15m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.2.3).5 (nhánh 3), L= 132m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 132m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (4.5).1 (nhánh 4), L= 117m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 117m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (4.5).1 (nhánh 5), L= 117m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 117m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

- Thay tiếp địa lặp lại 04 vị trí tại cột 1.9; (1.2).6; (1.2.3).4; (4.5).3.

33. Lưới điện TBA: Thống Nhất 2

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.3).6 (nhánh 1), L= 170m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 170m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (2.4).4 (nhánh 2), L= 168m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 168m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (2.4).4 đến cột 2.4/1.3 (nhánh 2), L= 60m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 60m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 2.4/1.2 đến cột 2.4/1.2/1.1 (nhánh 2), L= 30m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 30m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột (2.4).3 đến cột 2.3/1.1 (nhánh 2), L= 40m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 40m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột Thay cáp từ cột (2.4).6 đến cột 2.6/1.1 (nhánh 2), L= 40m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 40m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.3).6 (nhánh 3), L= 170m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 170m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột (1.3).3 đến cột 3.3/1.3 (nhánh 3), L= 90m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 90m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột (1.3).5 đến cột 3.5/1.1 (nhánh 3), L= 42m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 42m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 4.12 (nhánh 4), L= 327m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 327m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ Thay cáp từ cột (2.4).7 đến cột 4.7/1.2 (nhánh 4), L= 41m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 41m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 4.9 đến cột 4.9/1.1 (nhánh 4), L= 25m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 25m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 4.9 đến cột 4.9/1.2 (nhánh 4), L= 30m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 30m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 5.1/1.4 (nhánh 5), L= 228m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 228m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (5.6.7).3 (nhánh 6), L= 61m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 61m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Thay cáp từ cột (5.6.7).2 đến cột 6.2/1.1 (nhánh 6), L= 40m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 40m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 7.3/1.3 (nhánh 7), L= 127m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 127m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

- Thay tiếp địa lặp lại 07 vị trí tại cột 2.4/1.3; (1.3).6; 3.3/1.3(2.4).7; 5.1/1.4; (5.6.7).3; 7.3/1.3.

34. Lưới điện TBA: Thống Nhất 3

- Phân dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.6 (nhánh 1), L= 174m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 174m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2.6).2 đến cột 1.2/1.2 (nhánh 1), L= 85m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 85m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (2.6).8 (nhánh 2), L= 252m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 252m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (4.5).3 (nhánh 4), L= 72m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có

+ Thay cáp từ cột trạm đến cột 4.1/1.1 (nhánh 4), L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (4.5).3 (nhánh 5), L= 72m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có

+ Thay cáp từ cột trạm đến cột 5.1/1.1 (nhánh 5), L= 25m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 6.11 (nhánh 6), L= 345m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có

- Thay tiếp địa lặp lại 06 vị trí tại cột 1.2/1.1; (2.6).8; 3.4; (4.5).2; 6.11; 5.1/1.1.

35. Lưới điện TBA: Thống Nhất 1:

- Phân dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.5).13 (nhánh 1), L= 373m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 373m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Thay cáp từ cột (1.5).13 đến cột 1.20 (nhánh 1), L= 167m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 167m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ từ HT đến cột 2.4 (nhánh 2), L= 72m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 72m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2.4).2 đến cột 2.2/1.4 (nhánh 2), L= 94m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 94m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ từ HT đến cột 3.5 (nhánh 3), L= 128m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 128m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 3.4 đến cột 3.4/1.2 (nhánh 3), L= 29m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 29m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ từ HT đến cột (1.4.5).6 (nhánh 4), L= 143m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 143m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.4.5).6 đến cột 4.6/1.4 (nhánh 4), L= 173m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 173m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ từ HT đến cột (1.5).13 (nhánh 5), L= 373m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 373m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

- Thay tiếp địa lập lại 05 vị trí tại cột 1.20; 2.2/1.4; 3.5; 4.6/1.5; (1.5).13.

36. Lưới điện TBA: Chợ Hàng 1:

- Phần cột: 01 vị trí, 01 cột:

+ Thay cột 4.17, bằng cột LBT-PC 7.0/2.5, móng M2T7; thu hồi cột CV 7m: 01 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ từ HT đến cột 1.14 (nhánh 1), L= 316m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 316m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ từ HT đến cột (1.2.3).8 (nhánh 2), L= 178m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 178m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ từ HT đến cột 4.20 (nhánh 4), L= 463m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 463m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Thay cáp từ từ HT đến cột (4.5).12 (nhánh 4), L= 263m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 263m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

- Thay tiếp địa lập lại 04 vị trí tại cột 1.14; (1.3).10; 4.17; (4.5).12.

37. Lưới điện TBA: Chợ Hàng 2:

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.11 (nhánh 1), L= 288m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 288m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 4.4 (nhánh 4), L= 88m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 88m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 6.9/1.1 (nhánh 6), L= 275m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 275m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 7.1/1.5 (nhánh 7), L= 228m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 228m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

- Thay tiếp địa lặp lại 05 vị trí tại cột (1.8).6; 1.11; 4.4; 6.10; 7.1/1.5.

38. Lưới điện TBA: Đồng Tâm 2:

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 2.7 (nhánh 2), L= 112m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 112m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 3.8 (nhánh 3), L= 157m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 157m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (3.4).5 đến cột 3.5/1.1 (nhánh 3), L= 37m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 37m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Từ tủ HT đến cột (3.4).6 (nhánh 4), L= 157m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 157m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Từ cột (3.4).4 đến cột 4.4/1.3 (nhánh 4), L= 74m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 74m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Từ tủ HT đến cột (2.5).4 (nhánh 5), L= 58m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 58m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Từ tủ HT đến cột 6.4/1.2 (nhánh 6), L= 191m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 191m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

- Thay tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 2.7; 4.4/1.3; 3.8.

39. Lưới điện TBA: Đình Đông 1B:

- Phần cột: 05 vị trí, 05 cột:

+ Thay cột 1.6/1.1; (1.2).7; 2.8/1.1, thay bằng LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7, thu hồi cột sắt: 03 cột.

+ Thay cột 1.7/1.1; 2.10/1.1, thay bằng cột sắt hình D160, móng MT6S; thu hồi cột sắt: 03 cột.

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.2).8 (nhánh 1), L= 309m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 309m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2).7 đến cột 1.7/1.1 (nhánh 1), L= 17m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 17m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột (1.2).7 đến cột 1.7/2.1 (nhánh 1), L= 31m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 31m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ (1.2).6 đến cột 1.6/1.1 (nhánh 1), L= 31m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 31m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột (1.2).5 đến cột 1.5/1.1 (nhánh 1), L= 29m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 29m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 2.11 (nhánh 2), L= 385m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 385m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2).8 đến cột 2.8/2.1 (nhánh 2), L= 31m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 31m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột (1.2).8 đến cột 2.8/1.1 (nhánh 2), L= 12m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 12m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột 2.8/1.1 đến cột 2.8/1.3 (nhánh 2), L= 33m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 33m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 3.7 (nhánh 3), L= 254m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 254m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 3.5 đến cột 3.5/1.1 (nhánh 3), L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 3.6 đến cột 3.6/1.1 (nhánh 3), L= 27m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 27m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 4.5 (nhánh 4), L= 158m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 158m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

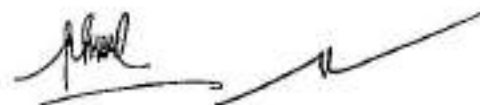
- Thay tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 1.6/1.1; 2.10/1.1; 1.7/1.1.

40. Lưới điện TBA: Đình Đông 2:

- Phần cột: 01 vị trí, 01 cột:

+ Thay cột 4.2/1.1, bằng cột LBT-PC 7.0/3.5, móng MT7; , thu hồi cột CV 7m: 01 cột.

- Phần dây:



+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.5 (nhánh 1), L= 119m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 119m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ 1.2 đến cột 1.2/1.4 (nhánh 1), L= 124m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 124m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 2.5 (nhánh 2), L= 134m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 134m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ 2.4 đến cột 2.4/1.1 (nhánh 2), L= 25m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 25m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 3.5 (nhánh 3), L= 190m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 190m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột trạm đến cột 3.1/1.4 (nhánh 3), L= 79m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 79m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (4.5).7 (nhánh 4), L= 199m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 199m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ (4.5).6 đến cột 4.6/1.2 (nhánh 4), L= 61m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 61m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ (4.5).2 đến cột 4.2/1.1 (nhánh 4), L= 18m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 18m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 5.9 (nhánh 5), L= 247m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 247m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Thay cáp từ (4.5).7 đến cột 5.7/1.1 (nhánh 5), L= 33m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 33m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ 5.8 đến cột 5.8/1.1 (nhánh 5), L= 34m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 34m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

- Thay tiếp địa lập lại 04 vị trí tại cột 1.5; 2.4; 3.1/1.4; (4.5).7.

41. Lưới điện TBA: Đình Đông 1A (M1):

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.13 (nhánh 1), L= 301m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 301m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 1.13 đến cột 1.16 (nhánh 1), L= 78m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 78m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 1.13 đến cột 1.13/1.3 (nhánh 1), L= 50m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 50m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột (1.2).12 đến cột 1.12/1.1 (nhánh 1), L= 50m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 50m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.2).12 (nhánh 2), L= 284m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 284m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2).9 đến cột 2.9/1.3 (nhánh 2), L= 93m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 93m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 3.8 (nhánh 3), L= 340m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 340m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (3.6).3 đến cột 3.3/1.2 (nhánh 3), L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.2.4.5).5 (nhánh 4), L= 96m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 96m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2.4.5).5 đến cột 4.11 (nhánh 4), L= 106m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 106m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 4.8 đến cột 4.8/1.2 (nhánh 4), L= 60m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 60m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.2.5).7 (nhánh 5), L= 166m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 166m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 6.9 (nhánh 6), L= 320m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 320m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 6.5 đến cột 6.5/1.1 (nhánh 6), L= 27m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 27m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

- Thay tiếp địa lặp lại 04 vị trí tại cột 1.14; (1.2).12; (3.6).4; 4.8.

41. Lưới điện TBA: Đình Đông 1A (M1):

- Phần dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.13 (nhánh 1), L= 301m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 301m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 1.13 đến cột 1.16 (nhánh 1), L= 78m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 78m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 1.13 đến cột 1.13/1.3 (nhánh 1), L= 50m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 50m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột (1.2).12 đến cột 1.12/1.1 (nhánh 1), L= 50m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 50m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.2).12 (nhánh 2), L= 284m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 284m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2).9 đến cột 2.9/1.3 (nhánh 2), L= 93m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 93m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 3.8 (nhánh 3), L= 340m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 340m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (3.6).3 đến cột 3.3/1.2 (nhánh 3), L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 35m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.2.4.5).5 (nhánh 4), L= 96m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 96m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (1.2.4.5).5 đến cột 4.11 (nhánh 4), L= 106m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 106m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 4.8 đến cột 4.8/1.2 (nhánh 4), L= 60m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 60m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (1.2.5).7 (nhánh 5), L= 166m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 166m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 6.9 (nhánh 6), L= 320m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 320m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 6.5 đến cột 6.5/1.1 (nhánh 6), L= 27m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 27m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

- Thay tiếp địa lập lại 05 vị trí tại cột 1.14; (1.2).12; (3.6).4; 4.8.

42. Lưới điện TBA: Tăng Thiết Giáp:

- Phần dây:

+ Thay cáp từ 1.11 đến cột 1.11/1.6 (nhánh 1), L= 228m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 228m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 2.4 (nhánh 2), L= 131m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 131m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95



+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 3.9 (nhánh 3), L= 315m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 315m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 3.7 đến cột 3.7/1.3 (nhánh 3), L= 91m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 91m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 3.7/1.1 đến cột 3.7/1.1/1.2 (nhánh 3), L= 60m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 60m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 4.12 (nhánh 3), L= 406m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 406m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

- Thay tiếp địa lặp lại 03 vị trí tại cột 1.11/1.1; 3.7; 4.12.

43. Lưới điện TBA: Trại Lê.

- Phân dây:

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 1.4 (nhánh 1), L= 70m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 70m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột 1.3 đến cột 1.4/1.1 (nhánh 1), L= 76m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 76m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột (2.5).8 (nhánh 2), L= 269m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 269m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (2.5).8 đến cột 2.10 (nhánh 2), L= 41m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 41m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ cột (2.5).4 đến cột 2.4/1.1 (nhánh 2), L= 22m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 22m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 3.4 (nhánh 3), L= 138m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95, thu hồi cáp cũ có L= 138m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x95

+ Thay cáp từ cột (2.3.5).1 đến cột 3.1/1.2 (nhánh 3), L= 77m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50, thu hồi cáp cũ có L= 77m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x50

+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 4.4 (nhánh 4), L= 125m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 125m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

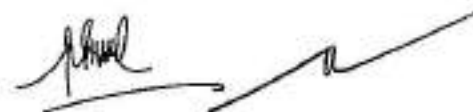
+ Thay cáp từ tủ HT đến cột 5.10 (nhánh 5), L= 324m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120, thu hồi cáp cũ có L= 324m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x120

+ Thay cáp từ cột 5.10 đến cột 5.13 (nhánh 5), L= 99m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 99m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột 5.10 đến cột 5.10/1.2 (nhánh 5), L= 69m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 69m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

+ Thay cáp từ cột Thay cáp từ 5.9 đến cột 5.9/1.1 (nhánh 5), L= 25m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70, thu hồi cáp cũ có L= 25m, chủng loại VX 0,6/1kV+Al/XLPE+4x70

- Thay tiếp địa lặp lại 01 vị trí tại cột 1.3.



CHƯƠNG 5: TỔNG HỢP VẬT TƯ KHỐI LƯỢNG

TT	Hạng mục vật tư - thiết bị	Đơn vị	Mã vật tư	Vật tư mới	Vật tư thu hồi	Ghi chú
I	PHẦN TỬ					
L1	Thiết bị					
	Tủ phân phối hạ thế - có ngăn lắp được 12 công tơ (không bao gồm MCCB)	Tủ		4		
	Móng tủ (450x650x1000)	móng		4		phương pháp thu công
	Tiếp địa an toàn tủ thanh cái	bộ		4		
	Đầu cốt đồng - 70 mm	cái	3.20.80.554.000.00.000	8		
	Đầu cốt đồng - 50 mm	cái	3.20.80.553.000.00.000	8		
	Đầu cốt đồng - 35 mm	cái	3.20.80.552.000.00.000	16		
	Cáp Cu/PVC 1x70mm ²	mét	3.15.42.208.000.00.000	6		bổ sung
	Cáp Cu/PVC 1x50mm ²	mét	3.15.42.207.000.00.000	21		bổ sung
	Cáp Cu/PVC 1x35mm ²	mét	3.15.42.206.000.00.000	12		bổ sung
	Ống nối không chịu lực cho dây 70	cái	3.20.53.011.000.00.000	4		nối cáp vào ra
	Ống nối không chịu lực cho dây 50	cái	3.20.53.010.000.00.000	16		nối cáp vào ra
	Ống nối không chịu lực cho dây 35	cái	3.20.53.009.000.00.000	8		nối cáp vào ra
L2	Phần vật tư tận dụng					
	MCCB tổng - 200A	cái		1		
	MCCB tổng - 100A	cái		3		
L3	Phần vật tư thu hồi					
	Tủ phân phối hạ thế lắp công tơ (bằng bê tông) cũ hỏng	tủ			4	
	Tiếp địa an toàn tủ thanh cái	bộ			4	
II	PHẦN ĐƯỜNG DÂY HẠ THẾ					
II.1	Xây lắp					
1	Cột BLTL PC-I-10-190-4,3	Cột	3.02.20.691.000.00.000	8		Dùng cột bằng phương pháp thủ công kết hợp cơ giới
2	Cột BLTL PC-I-8-160-2,5	Cột	3.02.20.656.000.00.000	3		
3	Cột BLTL PC-I-8-160-3,5	Cột	3.02.20.390.000.00.000	4		

4	Cột BLTL PC-I-10-190-4,3	Cột	3.02.20.691.000.00.000	1		Dựng cột bằng phương pháp thủ công	
5	Cột BLTL PC-I-8-160-2,5	Cột	3.02.20.656.000.00.000	5			
6	Cột BLTL PC-I-8-160-3,5	Cột	3.02.20.390.000.00.000	11			
7	Cột BLTL PC-I-7-160-2,5	Cột	3.02.20.636.000.00.000	30			
8	Cột BLTL PC-I-7-160-3,5	Cột	3.02.20.638.000.00.000	32			
9	Cột sắt hình D160	Cột		42			
10	Cột LT10 chắt chân	Cột			9		
11	Cột LT8 chắt chân	Cột			17		
12	Cột H8 chắt chân	Cột			6		
13	Cột LT7 chắt chân	Cột			5		
14	Cột H7 chắt chân	Cột			11		
15	Cột CV7 chắt chân	Cột			59		
16	Cột sắt 7m chắt chân	Cột			38		
17	Móng M2T10	Móng		4			Đào móng bằng phương pháp thủ công
18	Móng M2T8	Móng		1			
19	Móng M2T7	Móng		2			
20	Móng MT10	Móng		1			
21	Móng MT8	Móng		21			
22	Móng MT7	Móng		58			
23	Móng cột sắt MT6S-TC	Móng		42			
24	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x120-150 + Móc giữ	Cái	3.20.32.045.000.00.000	342			
25	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x95-120 + Móc giữ	Cái	3.20.32.044.000.00.000	1.927			
26	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x50-95 + Móc giữ	Cái	3.20.32.043.000.00.000	239			
27	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x50-95 + Móc giữ	Cái	3.20.32.043.000.00.000	128			
28	Khóa đai + Đai thép	Cái		2.931			
29	Chụp đầu cáp 4x120	Cái		40			
30	Chụp đầu cáp 4x95	Cái		504			
31	Chụp đầu cáp 4x70	Cái		108			
32	Chụp đầu cáp 4x50	Cái		140			
33	Kẹp cáp nhôm - nhôm dùng cho dây trần 3 bu lông 120	cái	3.20.31.334.000.00.000	48			
34	Kẹp cáp nhôm - nhôm dùng cho dây trần 3 bu lông 95	Cái	3.20.31.333.000.00.000	472			
35	Kẹp cáp nhôm - nhôm dùng cho dây trần 3 bu lông 70	Cái	3.20.31.333.000.00.000	24			
36	Hộp nhựa bọc ghíp	Cái		544			
37	Đầu cốt đầu nối cáp VX vào cáp ngầm						
	Đầu cốt đồng - nhôm - 120 mm	cái		24			

	Đầu cốt đồng - nhôm - 95 mm	cái		16	
	Đầu cốt đồng - nhôm - 50 mm	cái		8	
	Bulon + Eecu 14x40	cái		48	
38	Đầu cốt đầu nối cáp VX vào Aptomat				
	Đầu cốt đồng -nhôm 120mm	cái		76	
	Đầu cốt đồng -nhôm 95mm	cái		457	
	Đầu cốt đồng -nhôm 70mm	cái		29	
39	Tiếp địa lặp lại	Bộ		164	164
40	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x120 (5093*1.02)	Mét	3.15.68.114.000.00.000	5.195	5.195
41	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x95 (22921*1.02)	Mét	3.15.68.113.000.00.000	23.379	23.379
42	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x70 (4420*1.02)	Mét	3.15.68.112.000.00.000	4.508	4.508
43	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x50 (2630*1.02)	Mét	3.15.68.111.000.00.000	2.683	2.683
44	Tháo, lắp căng dây lấy lại độ võng				
	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x120	Mét		5.093	
	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x95	Mét		22.921	
	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x70	Mét		4.420	
	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x50			2.630	
45	Kéo dây qua vị trí bê góc				
	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x120	Vị trí		9	
	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x95	Vị trí		96	
	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x70	Vị trí		7	
	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x50	Vị trí		5	
46	Kéo dây vượt đường giao thông <10m				
	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x120	Vị trí		1	
	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x95	Vị trí		23	
	Cáp vận xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x70	Vị trí		0	
47	Kéo dây vượt đường giao thông >10m				

	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x120	Vị trí		8		
	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x95	Vị trí		49		
	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV- Al/XLPE-4x70	Vị trí		7		
48	Công tơ					
	Ghép bọc hạ thế (25-95) - 2 bulong	Cái	3.20.31.041.000.00.000	8.664		
	Vòng treo + tấm mã	Cái		185		
	Kẹp hỗ trợ (kẹp rẽ dây sau công tơ)	Cái		185		
	Khóa đai + Đai thép	Bộ		804		
49	Tháo lắp đầu nối hộp công tơ (tại vị trí thay cột)					
	Hộp H3, H4	Hộp		376		
	Hộp H2	Hộp		28		
	Hộp H1	Hộp		55		
	Hộp 3 pha	Hộp		19		
	Hộp BKD, DCU	Hộp		8		
50	Đầu nối hòm công tơ (vị trí thay dây, không thay cột)					
	Hộp H3, H4	Hộp		2.328		
	Hộp H2	Hộp		177		
	Hộp H1	Hộp		488		
	Hộp 3 pha	Hộp		325		
	Hộp BKD, DCU	Hộp		167		
	Tụ bù 0.4kV	Hộp		14		
II.	Thí nghiệm					
3	Tiếp địa đường dây	Vị trí		168		
III	KHẢO SÁT					
1	Khảo sát cải tạo đường dây hạ thế	km		40,00		
III	VẬN CHUYỂN					
1	Vận chuyển đường dài	km		5		
2	Vận chuyển nội bộ	km		0,095		

CHƯƠNG 6: ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU SCL

1. Đánh giá hiệu quả sau sửa chữa lớn

* Định lượng hiệu quả đem lại, theo các chỉ tiêu độ tin cậy cung cấp điện (SAIDI, SAIFI, MAIFI), tổn thất điện năng trước và sau khi thực hiện dự án được tổng hợp như sau:

Tiêu chí	Trước SCL	Sau SCL (dự kiến)
Hệ số phụ tải đỉnh	1,1	0,80
Hệ số phụ tải trung bình	0,75	0,65
Tổn thất điện áp lưới hạ áp	2,98%	2.83%
Sản lượng điện/năm (kWh)	61.691.095	63.491.095
Tổn thất điện năng lưới trung áp	1,67%	1,67%
Thời gian mất điện trung bình (SAIDI):	520 phút	485 phút
Số lần mất điện trung bình (SAIFI)	2,42 lần.	2,02 lần.
Số lần mất điện thoáng qua (MAIFI)	0	0
Số hộ dân cần di dời	0	0
Diện tích giải phóng mặt bằng	0	0

Dự kiến thời gian mất điện và sản lượng điện mất do thi công các TBA theo danh sách như sau:

Với biện pháp thi công cho công tác sửa chữa lớn: sáng cắt điện, chiều trả lưới, dự kiến thời gian thi công trong ngày từ 07h00' đến 17h00' (10 giờ/ngày). Thời gian thi công và sản lượng điện bị thiếu hụt dự kiến như sau:

Stt	Tên TBA	Công suất (kVA)	Sản lượng kWh/tháng	Ghi chú
1	Đất Đỏ	630	132.735	
2	Đoàn Thị Điểm	630	145.340	
3	Mê Linh 2	250	36.597	
4	Trương Hán Siêu	1000	43.619	
5	Thuận Thái	250	41.364	
6	Trần Nguyên Hãn	400	64.189	
7	An Dương dân dụng 2	560	83.684	
8	Cống Luồn	400	5.018	
9	Xi Măng 4B	250	44.701	
10	Xi Măng 4A	400	80.235	
11	Cầu Đất 4	630	97.340	
12	Cầu Đất 6	400	40.283	
13	Cơ Khí 1-5	400	44.311	
14	Vinh Niệm 5	630	146.817	
15	Võ Nguyên Giáp 1	400	80.513	
16	Niệm Nghĩa 1B	630	160.635	



17	Niệm Nghĩa 10	400	81.096
18	Đồng Bún 2	630	133.678
19	Vinh Niệm 7	750	195.250
20	Bưu Điện dân dụng 1	400	79.405
21	Bưu Điện Hải Phòng	560	117.371
22	Chợ Con 1	630	139.963
23	Chợ Con 3	630	163.388
24	Chợ Con 4	630	142.367
25	Kiến Thiết dân dụng 1	630	158.601
26	Ngô Quyền 630kVA	630	127.326
27	Tô Hiệu 3	400	140.411
28	Hồ Sen 3	1000	197.386
29	Hồ Sen 6	560	43.592
30	Chùa Chiếu 1	630	176.169
31	Võ Nguyên Giáp 3	400	89.987
32	Tập thể Ngân Hàng	630	97.321
33	Thống Nhất 2	750	180.379
34	Thống Nhất 3	630	163.616
35	Thống Nhất 1	630	176.791
36	Chợ Hàng 1	750	145.961
37	Chợ Hàng 2	750	222.905
38	Đồng Tâm 2	630	144.829
39	Đình Đông 1B	630	158.554
40	Đình Đông 2	560	173.857
41	Đình Đông 1A (M1)	1000	212.707
42	Tăng Thiết Giáp	630	83.970
43	Trại Lê	630	146.665
	Tổng		5.140.925

Thời gian thi công tại mỗi trạm dự kiến trong 04 ngày, tương đương 96 giờ.

Sản lượng 01 giờ = $(5.140.925 / 30) / 24 = 7.140$ kWh.

Sản lượng điện thương phẩm mất = 7.140 kWh x 48h = 685.457 kWh.

* Dự kiến tăng lượng điện thương phẩm sau SCL:

Sau khi SCL chất lượng đường dây sẽ tốt hơn, việc sự cố đường dây sẽ giảm, dự kiến sẽ giảm từ 3 đến 4 vụ sự cố trong một năm, do vậy sẽ không mất sản lượng điện 1.370.913 kWh.

Phương pháp được tính như sau:

Thời gian mất điện để tìm điểm sự cố và khắc phục xử lý = 01h.

Sản lượng điện mất trong 01h để xử lý sự cố ước tính bằng $\frac{1}{2}$ sản lượng của cả trạm trong 01h: 7.140 kWh/2 = 342.728 kWh.

Số vụ sự cố trong 1 năm = 04 vụ.

Sản lượng điện mất trong 1 năm do 04 vụ sự cố = 342.728 kWh x 4 vụ = 1.370.913 kWh

Đánh giá:

Hiệu quả SCL được trình bày qua các con số.

Giảm suất sự cố: Giảm 03 đến 04 vụ sự cố đường dây hạ thế trạm/năm

Tăng chỉ tiêu độ tin cậy cung cấp điện: do giảm số lần và thời gian mất điện kéo dài.

Tăng điện thương phẩm so với trước đại tu do giảm suất sự cố.

Các cột cũ, yếu, thấp được thay thế bằng các cột BTLT sẽ đảm bảo vận hành an toàn, nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng và mỹ quan đô thị.



**CHƯƠNG 7: TIÊU CHUẨN VẬT TƯ, THIẾT BỊ
- THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

7.1. Điều kiện làm việc

Nhiệt độ môi trường lớn nhất	45°C
Nhiệt độ môi trường Nhỏ nhất	0°C
Nhiệt độ môi trường trung bình năm	25°C
Khí hậu	Nhiệt đới, nóng ẩm
Độ ẩm cực đại	100%
Độ ẩm trung bình	85%
Độ cao lắp đặt thiết bị	Đến 1000m
Vận tốc gió lớn nhất	160 km/h

7.2. Cáp nhôm vặn xoắn hạ thế (0,6/1kV-Al/XLPE):

TT	Mô tả	Đơn vị	Yêu cầu
1.	Xuất xứ		Nhà cấp hàng nêu cụ thể
2.	Nhà sản xuất		Nhà cấp hàng nêu cụ thể
3.	Tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm		ISO 9001:2008
4.	Tiêu chuẩn áp dụng		AS/NZS 3560.1:2000 TCVN 6447:1998 hoặc tương đương
5.	Loại cáp		Gồm 4 lõi nhôm, cách điện XLPE, vặn xoắn, lắp đặt ở ngoài trời
6.	Loại ruột dẫn		Ruột dẫn bằng nhôm xoắn đồng tâm và ép chặt. Các lớp xoắn kế tiếp nhau phải ngược chiều nhau và lớp xoắn ngoài cùng phải theo chiều phải.
7.	Điện áp định mức $U_0/U(U_{max})$	kV	0,6/1(1,2)
8.	Tiết diện danh định của mỗi ruột:		
8.1.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x50	mm ²	50
8.2.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x70	mm ²	70
8.3.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x95	mm ²	95
8.4.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x120	mm ²	120
9.	Số sợi nhôm của mỗi ruột dẫn:		
9.1.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x50	Sợi	7
9.2.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x70	Sợi	19
9.3.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x95	Sợi	19
9.4.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x120	Sợi	19
9.5.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x150	Sợi	19
10.	Đường kính ruột dẫn nhỏ nhất/lớn nhất:		Nhỏ nhất/Lớn nhất



TT	Mô tả	Đơn vị	Yêu cầu
10.1.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x50	mm	8,0 / 8,4
10.2.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x70	mm	9,6 / 10,1
10.3.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x95	mm	11,3 / 11,9
10.4.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x120	mm	12,8 / 13,5
10.5.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x150	mm	14,1 / 14,9
11.	Điện trở một chiều lớn nhất của mỗi ruột dẫn ở 20°C:		
11.1.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x50	Ω/km	0,641
11.2.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x70	Ω/km	0,443
11.3.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x95	Ω/km	0,320
11.4.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x120	Ω/km	0,253
11.5.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x150	Ω/km	0,206
12.	Lực kéo đứt tối thiểu của mỗi ruột dẫn:		
12.1.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x50	kN	≥ 7,0
12.2.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x70	kN	≥ 9,8
12.3.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x95	kN	≥ 13,3
12.4.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x120	kN	≥ 16,8
12.5.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x150	kN	≥ 21,0
13.	Lớp cách điện		XLPE bền với tia tử ngoại
14.	Chiều dày trung bình nhỏ nhất của cách điện (không đo ở chỗ có gân nổi và chỗ in nhãn nổi):		
14.1.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x50	mm	1,5
14.2.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x70	mm	1,5
14.3.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x95	mm	1,7
14.4.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x120	mm	1,7
14.5.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x150	mm	1,7
15.	Chiều dày nhỏ nhất của cách điện ở một vị trí bất kỳ:		
15.1.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x50	mm	1,25
15.2.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x70	mm	1,25
15.3.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x95	mm	1,43
15.4.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x120	mm	1,43
15.5.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x150	mm	1,43
16.	Đường kính lớn nhất của lõi cáp (không đo ở chỗ có gân nổi):		
16.1.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x50	mm	11,9
16.2.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x70	mm	13,6
16.3.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x95	mm	15,9
16.4.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x120	mm	17,5
16.5.	Cáp vặn xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x150	mm	18,9
17.	Nhiệt độ dây dẫn tối đa:		
17.1.	Vận hành bình thường	°C	90
17.2.	Vận hành ngắn mạch không quá 5 giây	°C	250

TT	Mô tả	Đơn vị	Yêu cầu
18.	Điện áp thử nghiệm phóng điện (spark test)		
18.1.	Tiết diện danh định < 35 mm ²	kVAC	15
18.2.	Tiết diện danh định ≥ 35 mm ²	kVAC	20
19.	Điện áp thử nghiệm tần số công nghiệp đặt giữa ruột dẫn và nước trong 4 giờ (theo TCVN 6447:1998)	kV	2,5
20.	Nhận biết lõi cáp		Lõi cáp được nhận biết thông qua các gân nổi liên tục dọc theo chiều dài của lõi cáp phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 6447-1998: <ul style="list-style-type: none"> - Pha A: 1 gân - Pha B: 2 gân - Pha C: 3 gân - Trung tính: không có gân

7.3. Cột điện:

7.3.1 Cột bê tông ly tâm hạ thế

TT	Mô tả	Đơn vị	Kích thước	Yêu cầu
1	Xuất xứ			Việt Nam
2	Nhà sản xuất			Đáp ứng tiêu chuẩn
3	Tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm			TCVN 5847:2016
4	Tiêu chuẩn áp dụng			TCVN 5847:2016
5	Chủng loại			
1.	Chiều cao cột			
1.2.	Cột BTLT PC-I-7-160.2,5	m	7	
1.3.	Cột BTLT PC-I-7-160.3,5	m	7	
1.4.	Cột BTLT PC-I-8-160.2,5	m	8	
1.5.	Cột BTLT PC-I-8-160.3,5	m	8	
1.6.	Cột BLTL PC-I-10-190-4,3	m	10	
2.	Lực kéo ngang đầu cột (lực kéo ngang tác dụng tại vị trí cách đầu cột 300mm)			
2.1.	Cột BTLT PC-I-7-160.2,5	kN	2,5	
2.2.	Cột BTLT PC-I-7-160.3,5	kN	3,5	
2.3.	Cột BTLT PC-I-8-160.2,5	kN	2,5	
2.4.	Cột BTLT PC-I-8-160.3,5	kN	3,5	
2.5.	Cột BLTL PC-I-10-190-4,3	kN	4,3	

Kích thước cơ bản và tải trọng thiết kế cột nhóm I

Kích thước			Tải trọng thiết kế, kN, không nhỏ hơn		
Chiều dài cột, L,m	Chiều cao điểm chất tải, H,m	Chiều sâu chôn đất, h1,m	Đường kính ngoài đầu cột, mm		
			140	160	190
7.0	5.55	1.2		2.0	
				2.5	
				3.0	
				3.5	
				4.3	
				5.0	
8.0	6.35	1.4		2.0	
				2.5	
				3.0	
				3.5	
				4.3	
				5.0	
10	8.05	1.7		3.5	
				4.3	

7.3.2 Cột thép hạ thế 6 mét:

Stt	Tên vật liệu	Vật liệu - quy cách	ĐV	Số lượng	Chiều dài (mm)		Khối lượng (Kg)	
					1 cấu kiện	Toàn bộ	1 Cấu kiện	Toàn bộ
1	Bản đế	Thép tấm dày 12x350x350	Tấm	1			10,95 1	10,95 1
2	Đoạn thân I	Thép ống Ø159 dày 5	Ống	1	2500	250 0	47,50 0	47,50 0
3	Đoạn thân II	Thép ống dày Ø146 dày 4,25	Ống	1	3750	375 0	55,87 5	55,87 5
4	Thép hàn chống tụt	Thép vuông 6x6	Thanh	4	10	40	0,003	0,011
5	Nắp cột	Thép tấm đường kính 146 dày 12	Tấm	1			0,589	0,589
6	Tai dây	Thép dẹt 15x15 dày 3	Thanh	4			0,004	0,014
7	Gân tăng cứng	thép tấm dày 12	Tấm	4			1,401	5,602
	Chốt hàn cố định cột		Chốt	8				
TỔNG (kg)								120,54

7.4. Phụ kiện đường dây

7.4.1. Ghép bọc hạ thế cho cáp vận xoắn

TT	Mô tả	Đơn vị	Yêu cầu
1.	Nhà sản xuất		Nhà cấp hàng nêu cụ thể

TT	Mô tả	Đơn vị	Yêu cầu
2.	Nước sản xuất		Nhà cấp hàng nêu cụ thể
3.	Tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm		ISO 9001:2008
4.	Tiêu chuẩn áp dụng		HN 33-S-63
5.	Loại		Ghép nối IPC là loại kẹp nối dẫn điện có 2 bulông, bọc cách điện, chống thấm nước, dùng để đấu nối rẽ hoặc đấu nối lèo từ cáp nhôm vận xoắn 0,6/1kV LV-ABC đến cáp nhôm vận xoắn 0,6/1kV LV-ABC hoặc đến cáp đồng 0,6/1kV Cu/PVC/PVC bằng mối nối lưỡng kim, vận hành tốt ở vùng nhiệt đới, vùng biển, vùng ô nhiễm công nghiệp...
6.	Tiết diện danh định của dây dẫn:		
6.1.	Trục chính cáp vận xoắn 0,6/1kV-AI/XLPE/ Nhánh rẽ cáp vận xoắn 0,6/1kV-AI/XLPE	mm ²	
	<i>Kẹp cáp nhôm-nhôm dùng cho dây trần 3 bu lông 50</i>	mm ²	50-50/50-50
	<i>Kẹp cáp nhôm-nhôm dùng cho dây trần 3 bu lông 70</i>	mm ²	70-70/70-70
	<i>Kẹp cáp nhôm-nhôm dùng cho dây trần 3 bu lông 95</i>	mm ²	95-95/95-95
	<i>Kẹp cáp nhôm-nhôm dùng cho dây trần 3 bu lông 120</i>	mm ²	120-120/120-120
6.2.	Trục chính cáp vận xoắn 0,6/1kV-AI/XLPE/Nhánh rẽ cáp đồng Cu/PVC/PVC		
	<i>Kẹp cáp nhôm-đồng dùng cho dây trần 3 bu lông 95</i>	mm ²	95-95/95-95
	<i>Kẹp cáp nhôm-đồng dùng cho dây trần 3 bu lông 120</i>		120-120/120-120
	<i>Ghép bọc hạ thế (25-95)</i>	mm ²	25-95/25-95
7.	Dòng định mức liên tục của ghép		Phải lớn hơn hoặc bằng dòng định mức của dây nhôm vận xoắn LV-ABC tương ứng
7.1.	Trục chính cáp nhôm LV-ABC / Nhánh rẽ cáp nhôm LV-ABC		Phải lớn hơn hoặc bằng dòng định mức của dây nhôm vận xoắn LV-ABC tương ứng
	<i>Ghép bọc hạ thế (25-95) 2 bulong</i>	A	≥ 250
7.2.	Trục chính cáp nhôm LV-ABC / Nhánh rẽ cáp đồng Cu/PVC/PVC		Phải lớn hơn hoặc bằng dòng định mức của dây đồng Cu/PVC/PVC 35mm ²
	<i>Ghép bọc hạ thế (25-95) 2 bulong</i>	A	≥ 175



TT	Mô tả	Đơn vị	Yêu cầu
8.	Độ bền điện môi và chống thấm nước ở 50Hz trong 1 phút, trong nước (kẹp IPC phải được ngâm trong nước 30 phút trước khi thử nghiệm)	kV	6

7.4.2. Kẹp xiết cho cáp vận xoắn

TT	Mô tả	Đơn vị	Yêu cầu
1.	Nhà sản xuất		Nhà cấp hàng nêu cụ thể
2.	Nước sản xuất		Nhà cấp hàng nêu cụ thể
3.	Tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm		ISO 9001:2008
4.	Tiêu chuẩn áp dụng		AS 3766, TCVN 5408:2007 hoặc tương đương
5.	Loại		<p>Kẹp hãm cáp phải là loại bulông, có khả năng kẹp chặt cáp nhôm vận xoắn hạ thế có 4 lõi, cách điện XLPE 0,6/1kV, loại cáp tự treo, ký hiệu [KH], kẹp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngàm kẹp: làm bằng nhựa có tăng cường sợi thủy tinh, bền với tia tử ngoại, chống rạn nứt, lão hóa và ăn mòn, phù hợp để vận hành tốt ở vùng nhiệt đới, vùng biển, vùng ô nhiễm công nghiệp... đảm bảo không làm hư hỏng cách điện cáp - Thân kẹp bên ngoài: gồm 2 thanh thép; một đầu có 1 bulông và chốt gài bằng thép không gỉ hoặc 1 bulông và đai ốc khóa dùng để ngừng kẹp; đầu còn lại có 2 bulông bao gồm đai ốc và vòng đệm vên dùng để ép chặt cáp. Các chi tiết kim loại làm bằng thép không gỉ hoặc làm bằng thép mạ kẽm nhúng nóng có bề dày lớp mạ kẽm tối thiểu 55 μm - Các cạnh của các thanh kim loại phải được bo tròn nhằm giảm thiểu khả năng hư hỏng cáp - Giữa các ngàm kẹp phải có lò xo để tự mở ra khi mở bulông siết nhằm dễ dàng đặt cáp
6.	Tiết diện cáp danh định		
6.1.	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x50	mm^2	4x50
6.2.	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x70	mm^2	4x70
6.3.	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x95	mm^2	4x95
6.4.	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x120	mm^2	4x120
7.	Đường kính bao ngoài tối đa của bó cáp		
7.1.	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x50	mm	28,7
7.2.	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x70	mm	32,8

TT	Mô tả	Đơn vị	Yêu cầu
7.3.	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x95	mm	38,4
7.4.	Kẹp xiết cáp vận xoắn 4x120	mm	42,2
8.	Đường kính bó cáp của kẹp	mm	Nhà cấp hàng nêu cụ thể
9.	Lực phá hủy tối thiểu của kẹp trong 1 phút (theo AS 3766)		
10.	Cáp vận xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x50	kN	23,8
11.	Cáp vận xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x70	kN	33,2
12.	Cáp vận xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x95	kN	43
13.	Cáp vận xoắn 0,6/1kV-Al/XLPE-4x120	kN	57,1
14.	Độ bền điện áp giữa các phần mang điện trong 1 phút	kVrms	4
15.	Lực kéo đứt của vòng đệm cao su ôm cáp sau khi thử lão hóa ở nhiệt độ $100 \pm 2^\circ\text{C}$ trong 168 giờ (theo tiêu chuẩn AS 1660.2)		Không được nhỏ hơn 70% lực kéo đứt trước khi lão hóa
16.	Độ giãn dài khi đứt của vòng đệm cao su ôm cáp sau khi thử lão hóa ở nhiệt độ $100 \pm 2^\circ\text{C}$ trong 168 giờ (theo tiêu chuẩn AS 1660.2)		Không được nhỏ hơn 60% độ giãn dài khi đứt trước khi lão hóa

7.4.3. Kẹp treo cho cáp vận xoắn

TT	Mô tả	Đơn vị	Yêu cầu
1.	Nhà sản xuất		Nhà cấp hàng nêu cụ thể
2.	Nước sản xuất		Nhà cấp hàng nêu cụ thể
3.	Tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm		ISO 9001:2008
4.	Tiêu chuẩn áp dụng		AS 3766, TCVN 5408:2007 hoặc tương đương
5.	Loại		<p>Kẹp treo cáp phải có khả năng đỡ cáp nhôm vận xoắn hạ thế có 4 lõi, cách điện XLPE 0,6/1kV, loại tự treo, ký hiệu [KT]; kẹp có khả năng móc vào bulông móc treo cáp ABC, hoặc móc treo đơn DK16mm, hoặc móc treo đơn DK20mm lắp trên cột bê tông; kẹp bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân kẹp kèm 1 bulông và 1 đai ốc kiểu chuẩn chuẩn làm bằng thép mạ kẽm nhúng nóng có bề dày lớp mạ kẽm tối thiểu 55 μm; - Vòng đệm cao su ôm cáp bền với tia tử ngoại, chống rạn nứt, lão hóa và ăn mòn, phù hợp để vận hành tốt ở vùng nhiệt đới, vùng biển, vùng ô nhiễm công nghiệp... đảm bảo không làm hư hỏng cách điện cáp;

TT	Mô tả	Đơn vị	Yêu cầu
			- Các cạnh của các thanh kim loại phải được bo tròn nhằm giảm thiểu khả năng hư hỏng cáp; - Kẹp treo phải dễ dàng lắp đặt không cần dụng cụ.
6.	Tiết diện cáp danh định		
6.1.	Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x50	mm ²	4x50
6.2.	Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x70	mm ²	4x70
6.3.	Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x95	mm ²	4x95
6.4.	Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x120	mm ²	4x120
7.	Đường kính bao ngoài tối đa của bó cáp		
7.1.	Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x50	mm	28,7
7.2.	Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x70	mm	32,8
7.3.	Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x95	mm	38,4
7.4.	Kẹp treo cáp vặn xoắn 4x120	mm	42,2
8.	Đường kính bó cáp của kẹp	mm	Nhà cấp hàng nêu cụ thể
9.	Tải phá hủy tối thiểu (theo tiêu chuẩn AS 3766)	kN	6
10.	Độ bền điện áp giữa các phân mang điện trong 1 phút	kVrms	4
11.	Lực kéo đứt của vòng đệm cao su ôm cáp sau khi thử lão hóa ở nhiệt độ 100 ± 2°C trong 168 giờ (theo tiêu chuẩn AS 1660.2)		Không được nhỏ hơn 70% lực kéo đứt trước khi lão hóa
12.	Độ giãn dài khi đứt của vòng đệm cao su ôm cáp sau khi thử lão hóa ở nhiệt độ 100 ± 2°C trong 168 giờ (theo tiêu chuẩn AS 1660.2)		Không được nhỏ hơn 60% độ giãn dài khi đứt trước khi lão hóa



CHƯƠNG 8: PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THI CÔNG + BIỆN PHÁP AN TOÀN

8.1. Chuẩn bị mặt bằng, công trường

8.1.1. Mặt bằng vị trí cột, tổ chức công trường

- Địa điểm tổ chức công trường xây lắp: trên địa bàn phường An Biên và Lê Chân.
- Các vị trí cột được thay thế tại đúng vị trí cũ, trước khi thi công Đội QLĐL KV Lê Chân có công văn tới Chính quyền địa phương để phối hợp, tạo điều kiện về mặt bằng thi công, đảm bảo tiến độ và an toàn lao động.

- Để đảm bảo cho việc bảo quản vật tư thiết bị, vật liệu và nhà ở cho công nhân.

8.1.2. Công tác thu dọn mặt bằng phục vụ thi công

- Việc thu dọn mặt bằng phục vụ thi công chủ yếu là giải toả cây cối, công trình nằm tại các vị trí có tuyến đường dây đi qua.

8.1.3. Công tác vận chuyển

a) Vận chuyển đường dài

Các thiết bị vật liệu mua sắm sẽ được vận chuyển từ vị trí cụ thể của kho nhà cấp hàng đến kho công trường bằng xe chuyên dụng, lên xe tại kho nhà chế tạo do nhà chế tạo đảm nhận và xuống hàng tại kho công trường bằng cần cầu 3 tấn, xe ô tô 10 tấn.

b) Trung chuyển từ kho công trường rải dọc tuyến thi công

- Các vật liệu khác vận chuyển từ kho kín công trình, rải tuyến bằng xe cơ giới.

8.2. Các phương án xây lắp chính

8.2.1. Biện pháp chung

- Biện pháp thi công chủ yếu của công trình là thủ công do mặt bằng các vị trí cột nằm trong ngõ, ngách, mật độ xe đi lại đông.

8.2.2. Đào móng, lắp dựng cột điện hạ thế:

- Đào móng

+ Dựng cột và đào đất móng cấp III 100% bằng phương pháp thủ công, do trên địa bàn phường An Biên và phường Lê Chân, vị trí cột nằm trên vỉa hè, trong ngõ nhỏ xe cơ giới không vào được, mặt khác có nhiều đường ống cấp và thoát nước, cáp điện ngầm, nên không thực hiện thi công bằng máy mà phải thực hiện thi công đào đất móng bằng thủ công.

- Dựng cột mới thi công trực tiếp ngay tại vị trí cũ:

+ Trình tự thực hiện như sau:

+ Đánh dấu tên các dây ra sau công tơ của các hộ dân, tháo ra khỏi hộp công tơ (bỏ gọn, treo lên cao để hạ cột cũ và dựng cột mới không ảnh hưởng)

+ Tháo lều cáp nguồn cấp vào hộp công tơ ra khỏi cáp vận xoắn; Dùng thùng hạ các hộp công tơ xuống đất.

+ Dùng dây thùng buộc vào đầu cáp vận xoắn, băng bọc lại các điểm hở sau đó tháo bulon bắt kẹp hãm với cột, sau khi kẹp treo cáp vận xoắn rời cột, dùng thùng treo cáp vận xoắn đang mang điện lên phía lan can và hiên nhà hộ dân bên trong cột cần tháo, đảm bảo cho đoạn cáp vận xoắn cũ cách đầu ngọn cột từ 1,5 đến 2,0m (không va chạm trong quá trình làm việc). Thực hiện bỏ gọn toàn bộ các dây thông tin, dây mạng.

* Công việc thu hồi cột cũ (bằng phương pháp thủ công):

+ Dùng búa đập vỡ phần bê tông để đỡ phần sắt từ đầu cột xuống thân khoảng 2.5 ÷ 3,0m. Dùng thùng buộc vào đầu cột, sau đó dùng máy cắt hơi (gas) cắt đứt phần sắt hạ từ từ xuống đất. Phần còn lại, đập vỡ bê tông tại chân cột, tiếp tục cắt và tiến hành hạ cột xuống đất.

(Hạ cột bằng Tó, đơn vị công tác thực hiện theo đúng kỹ thuật đã nêu ở phần trên)

* Công việc đào đất hố móng.

Trong quá trình đào hố móng, phải căn cứ vào các mốc ngoài hố móng để xác định đúng tâm hố đào, đánh dấu phạm vi đào.

Căn cứ vào cấp đất, loại móng chúng tôi xác định kích thước hố đào đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế, đảm bảo an toàn lao động. Xung quanh hố móng chúng tôi dọn dẹp sạch sẽ, đất đào lên được hất xa khỏi miệng hố móng từ 0,5 – 1m đảm bảo trong quá trình đúc móng không rơi xuống hố móng.

Đất thừa không đảm bảo chất lượng chúng tôi đổ ra ngoài bãi thải theo quy định, tránh đổ bừa bãi làm ngập úng các khu vực và công trình lân cận, ảnh hưởng đến công việc tổ chức thi công.

Móng cột sau khi đào xong phải được nghiệm thu nội bộ đơn vị thi công, sau đó mới nghiệm thu với giám sát kỹ thuật bên A.

Sau khi móng được đào xong và đã được nghiệm thu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật chúng tôi tiến hành bước tiếp theo.

*Dựng cột mới: (bằng phương pháp thủ công): Gồm 118 vị trí (có bảng kê chi tiết đính kèm)

- Dùng xe 2 bánh nhỏ đưa cột vào gần vị trí công tác (thực hiện bó gọn toàn bộ dây tạp, dây thông tin, dây cáp ra sau công tơ tại các cột cũ)

(Dựng cột được bằng Tó, đơn vị công tác thực hiện theo đúng kỹ thuật đã nêu ở phần trên)

- Kết hợp với thang tre để đưa chân cột vào gần móng cột đã đào. Kết hợp sức người với dây thừng nhóm công tác từ từ đưa cột vào lốc, kết hợp với xà beng để cột thẳng đứng.

- Khi cột đã thẳng lái đầu cột vào vị trí thuận lợi để sau khi sang cáp vặn xoắn không bị ảnh hưởng. Dùng dây thừng hoặc dây thép cố định chắc chắn.

-Thực hiện trộn bê tông đổ, chèn vào lốc cột để cố định cột

Đúc móng bê tông:

- Bê tông móng cột đều được trộn bằng máy trộn bê tông di động đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

*Dựng cột mới: (bằng phương pháp thủ công kết hợp cơ giới): Gồm 11 vị trí (có bảng kê chi tiết đính kèm).

8.2.3. Kéo dây :

- Lắp phụ kiện ở dưới đất rồi mới đưa lên lắp vào cột.

- Rải, căng dây bằng thủ công và phải đảm bảo dây không bị cọ xát, biến dạng, không có dị vật vướng mắc trên dây.

- Các đoạn đường dây đi gần khu vực dân cư, giao chéo với đường giao thông hoặc đường dây tải điện khác. Đơn vị thi công phải lập biện pháp thi công, biện pháp kéo dây cụ thể cho từng khoảng cột (cắt điện, làm giàn giáo, đặt biển báo,...);

- Trên cơ sở phương án thi công được duyệt đơn vị thi công đăng ký lịch cắt điện trình Công ty xếp lịch (theo quy định của Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng). Đơn vị thi công phải kết hợp với Đơn vị quản lý vận hành và giám sát A để đảm bảo đúng lịch cắt điện, nghiệm thu đóng lại đường dây an toàn sau mỗi ngày thi công.

8.2.4. Lắp đặt phụ kiện và kéo rải căng dây

- Công tác lắp đặt phụ kiện: Việc lắp phụ kiện được thực hiện bằng thủ công.

- Công tác rải căng dây: Bằng thủ công. Khi rải dây vượt đường giao thông, vượt đường điện, cần phải làm giàn giáo chắc chắn.

8.2.5. Công tác tháo dỡ thu hồi vận chuyển:

- Phần cột: Chặt hạ các cột bị hư hỏng, thanh lý theo bảng kê chi tiết.

- Phần thu hồi vật tư hiện hữu bao gồm dây dẫn và phụ kiện được thực hiện trong quá trình cắt lưới chia tải. Đơn vị thi công có trách nhiệm lập biên bản hiện trường xác nhận số lượng, chất lượng vật tư thu hồi với giám sát A và bảo quản vật tư thu hồi tránh thất thoát nhập về kho Công ty theo quy định.

Điều kiện vận chuyển:

* Vận chuyển đường dài:

- Từ điểm tập kết vật tư thu hồi về kho Công ty khoảng 5km.

* Vận chuyển nội tuyến:

- Vận chuyển bình quân gia quyền từ điểm tập kết vật tư đến các vị trí lắp đặt. (theo bảng kê chi tiết)

8.3. Tiến độ thi công

Công trình dự kiến triển khai quý I+II năm 2025

8.4. Biện pháp an toàn trong thi công

- Trong quá trình thi công phải tuân thủ các quy định về an toàn trong công tác xây dựng, cụ thể phải bảo đảm - Quy trình An toàn điện - trong công tác quản lý, vận hành sửa chữa, xây dựng đường dây và trạm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành kèm theo quyết định 959/QĐ-EVN ngày 26 tháng 07 năm 2021 và các quy định an toàn khác của Nhà nước ban hành.

- Phải kiểm tra sức khỏe cho những công nhân làm việc trên cao, trang bị đầy đủ dụng cụ phòng hộ lao động.

- Khi thi công trên cao phải đảm bảo các biện pháp an toàn trên cao như mang mũ bảo hộ, đeo dây an toàn, dụng cụ mang theo phải gọn gàng dễ thao tác. Không được làm việc trên cao khi trời sắp tối, khi trời có mưa, sương mù hoặc khi có gió từ cấp 5 trở lên.

- Khi tuyến đường dây đi gần khu vực dân cư phải chú ý biện pháp an toàn thi công cho người và tài sản ở phía dưới.

- Khi kéo dây phải đảm bảo đúng quy trình công nghệ thi công, các vị trí néo hãm phải thật chắc chắn để tránh xảy ra tụt néo gây tai nạn. Các vị trí kéo dây vượt chướng ngại vật phải làm biển cấm, biển báo và ba-ri-e.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị thi công trước khi sử dụng. Kiểm tra kỹ các dây chằng, móc cáp trước khi cầu lắp các cột nặng.

PHẦN 2: KHÁI TOÁN

2.1. Chi phí SCL công trình:

+ Mười ba tỷ, bảy trăm hai mươi một triệu, ba trăm năm mươi ngàn, không trăm mười hai đồng chẵn./.

TT	Nội dung	Giá trị
I	Chi phí xây lắp	
1	Vật liệu	5.348.861.963
2	Lưu thông phí: 3%(VL)	160.465.859
3	Nhân công: (70% x VL)	3.744.203.374
4	Máy thi công: 2% (VL)	106.977.239
	Cộng	9.360.508.435
5	Chi phí chung: 65% x(3)	2.433.732.193
6	Thu nhập chịu thuế tính trước 6% (I+5)	707.654.438
7	Giá trị dự toán xây lắp trước thuế (I+5+6)	12.501.895.066
8	Thuế giá trị gia tăng 8% (7)	1.000.151.605
	Cộng I = Tổng giá trị xây lắp sau thuế =7+8	13.502.046.671
II	Chi phí khác	
1	Chi phí khảo sát lập DT: XL/1,1x3,17x1,13	0
2	Thí nghiệm: 2% (VL)	106.977.239
3	Chi phí nghiệm thu công trình: 3% (NC)	112.326.101
	Cộng II	219.303.340
III	Tổng cộng I+II	13.721.350.012

2.2. Dự kiến thời gian thực hiện:

Căn cứ vào khối lượng công trình thời gian yêu cầu của công trình, đưa ra tiến độ dự kiến như sau:

- + Khảo sát, lập TKBVTC-DT, phê duyệt: Quý II, năm 2025.
- + Dự kiến triển khai thi công xây dựng: Quý II năm 2026.